

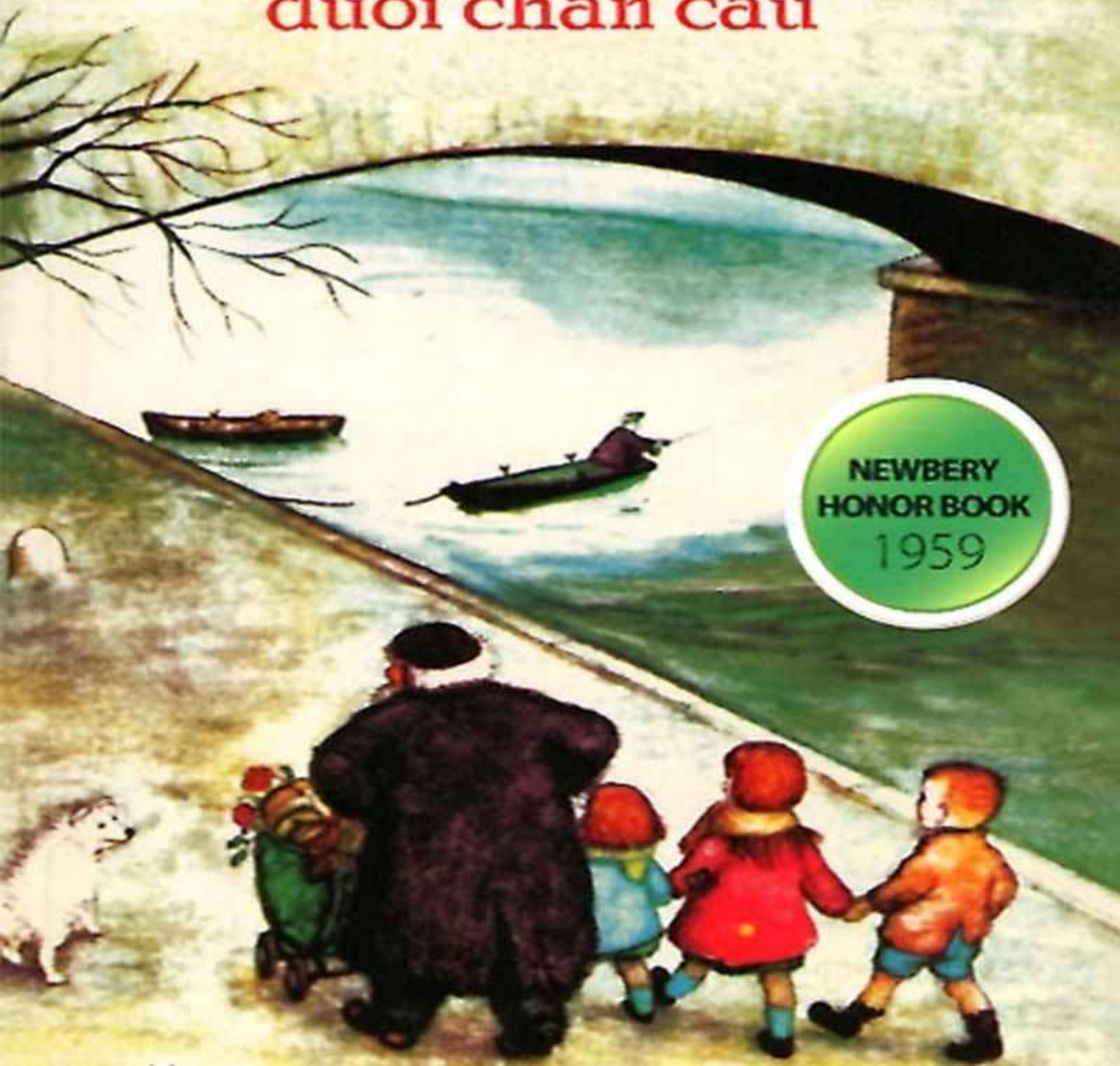
NATALIE SAVAGE CARLSON

Garth Williams minh họa • Trịnh Huy Ninh dịch

happy new year

Gia đình dưới chân cầu

NEWBERY
HONOR BOOK
1959



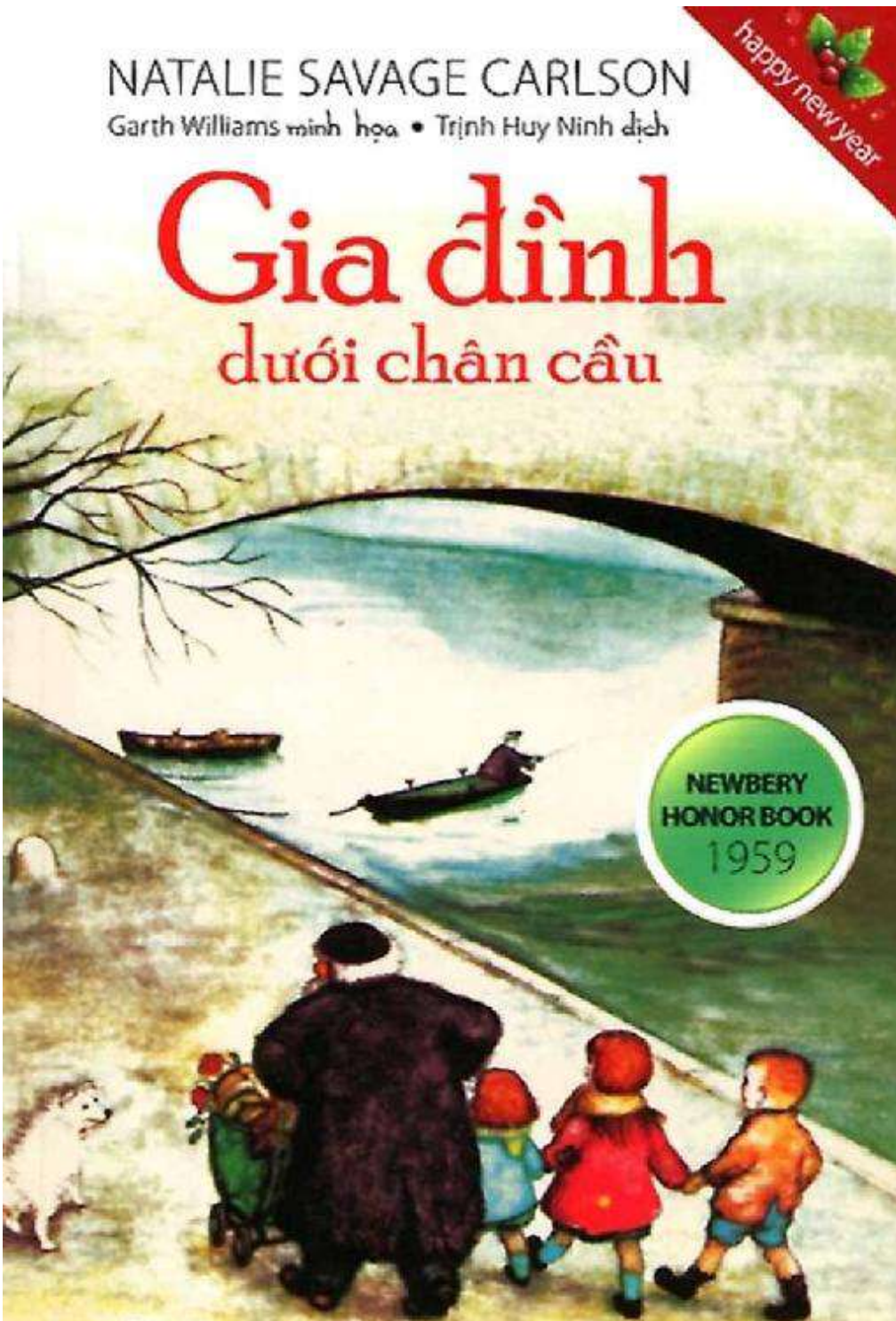
NATALIE SAVAGE CARLSON

Garth Williams minh họa • Trịnh Huy Ninh dịch

happy new year

Gia đình dưới chân cầu

NEWBERY
HONOR BOOK
1959



Mục lục

1. [Chương một](#)
2. [Chương hai](#)
3. [Chương ba](#)
4. [Chương bốn](#)
5. [Chương năm](#)
6. [Chương sáu](#)
7. [Chương bảy](#)
8. [Chương tám](#)
9. [Chương chín](#)

CHƯƠNG MỘT

Xưa có một lão lang thang tên là Armand, lão chẳng chịu ở đâu khác ngoài Paris. Thế nên đó chính là nơi lão sống.

Toàn bộ tài sản của mình, lão chất cả lên một chiếc xe nô cũ kĩ không mui mà kéo đi khắp nơi, khỏi lo gì chuyện tiền nhà hay bị đào tường khoét ngạch. Toàn bộ số quần áo rách rưới mà lão có cũng đều ở cả trên người rồi nên cũng chẳng cần đến rương hòm hay máy giặt khô.

Với lão Armand thì chuyện chuyển từ xó này sang xó kia thật dễ ợt, thế nên buổi sáng muộn tháng chạp ấy lão nhổ giò lên đường. Trời lạnh, bầu trời xám sà xuống tận các chóp ống khói của Paris nhưng lão Armand chẳng để ý vì trong lòng lão đang nhoi nhoi một cảm giác, rằng có một điều gì đó mới mẻ đầy háo hức sắp sửa xảy đến với mình hôm nay.

Lão ư ử trong mồm một giai điệu vui và đẩy xe qua chợ hoa bên hông nhà thờ Đức Bà. Những bông hoa nhắc lão nhớ rằng rồi mùa xuân sẽ về, dù mùa đông cũng không hẳn đã tệ.

Những chậu dạ lan hương mỏng manh cùng tulip chen chúc nhau trên giá phía trước các dãy kệ. Những bông cẩm chướng và trúc đào hồng đứng trong mấy cái xô thiếc lớn. Ở đây nhiều nhất là những bó hoa nhựa ruồi chấm đỏ, những chùm tầm gửi trên châu và những cây thông non bé nhỏ, sắp Giáng sinh rồi mà.

Cặp mắt còn tinh tường của lão Armand nhận ra một đồng cảnh gãy với hoa héo vút lỏng chỏng gần cái kệ có đề chữ “Anabel”.



Thế là lão bèn đưa tay lên chiếc mũ bê rê đen của mình, hướng về phía người đàn bà mập mạp mặc tạp dề xanh bên ngoài áo len.

“Xin phép bà và hết sức biết ơn lòng tốt của bà, thưa bà,” lão nói với cái bà chắc hẳn tên là Anabel ấy, đoạn nhặt những cành gậy xếp lên đống đồ của mình trên chiếc xe nô. Sau đó lão lựa một nhánh nhựa ruồi héo và luồn vào khuyết áo rách bươm của mình. Lão muốn phải trông thật tươi tắn cho điều bất ngờ vui vẻ sắp đến với mình hôm nay.

Cái bà chắc hẳn tên là Anabel chỉ sầm mặt ngó lão đẩy chiếc xe nô về hướng Rue de Corse. Lão lê bước đẩy chiếc xe qua những tòa nhà cổ, hướng ra bờ bên kia sông Seine.

Nhưng vừa ra đến quảng trường trước nhà thờ Đức Bà thì lão đã bị một bàn tay từ phía sau tóm lấy.

“Xem tương lai đi, thưa ông,” một giọng véo von cất lên. “Hôm nay ông sẽ có một chuyến phiêu lưu đấy.”

Lão Armand buông tay nắm chiếc xe nô và quay lại giáp mặt với một phụ nữ gypsy mặc áo lông ngắn và chiếc váy hoa dài quét đất.

Lão nhe hàm răng lựa thưa cười với bà kia. “A, cô Mireli,” lão chào. “Bọn cô trở lại Paris trú đông rồi cơ à?”

Khuôn mặt đen đúa của bà gypsy sáng lên bên dưới tấm khăn choàng xanh. “Còn có người chẳng phải bao nhiêu mùa đông rồi vẫn bám lấy Paris đó sao?” bà hỏi, cứ như một mệnh phụ. “Nhưng có việc gì mà ông ra ngoài sớm thế?”

Lão Armand nhún đôi vai bên dưới chiếc áo choàng dài gần chấm gót. “Tôi lại ra chân cầu đây,” lão đáp. “Chịu hết nổi mấy cái góc đường nhốn nháo với mấy con hẻm chật chội ở Place Maubert rồi. Cả trò lượm rác bán ve chai cũng phát mệt. Tôi đã sẵn sàng cho cuộc phiêu lưu mà cô hứa hẹn rồi đây.”

Bà Mireli thông cảm lắm. “Sau những chuyến đi tự do thoải mái trên những chặng đường dài quanh co thì cái sân mà bọn tôi ở đậu đúng thật chẳng khác nào cái chuồng,” bà nói, “nhưng được cái cánh đàn ông kiếm được nhiều việc để làm trong mùa đông. Một thành phố có lắm tiệm ăn như Paris thì chả thiếu gì xoong nồi cần sửa sang. Mặc dù vậy, tất nhiên, bọn trẻ chẳng nói chuyện gì khác ngoài những cánh đồng với những cánh rừng mùa xuân.”

“Tôi không tài nào chịu nổi cái bọn nhóc ấy,” lão Armand lâu bầu. “Một lũ sáo đá. Một lũ chim con gốc gác, ríu rít luôn mồm.”

Bà Mireli giơ ngón tay chỉ vào lão mà lắc lắc. “Ông nghĩ mình ghét trẻ con,” bà nói, “nhưng chẳng qua là ông sợ chúng đó thôi. Ông sợ bọn nhóc láu lỉnh đó sẽ thó mất trái tim của ông nếu chúng biết ông có một trái tim.”

Lão Armand càu nhàu nắm lấy tay đẩy của chiếc xe nô. Bà Mireli vẫy tay chào lão, nhún nhảy đôi chân trần xỏ dép sandal màu bạc đã sờn cũ. “Nếu ông nghĩ lại về chuyện chân cầu thì cứ đến sống với chúng tôi,” bà mời. “Bọn tôi ở phía sau Halles - ngay chỗ người ta đang phá mấy cái nhà cạnh điện Thần Diệu¹ cũ ấy mà.”

Lão Armand nặng nề lách dưới một thân cây đen thui trụi và vòng qua nhà thờ về phía bờ sông mà không thèm liếc nhìn nó lấy một cái.

Trong cái công viên xanh đằng sau hàng cột chống có mấy đứa trẻ đường phố đang tha thẩn. Hai đứa trong bọn đang chơi đấu kiếm, trong khi đứa thứ ba nhỏ hơn thì nhấm nháp một quả táo đỏ ngồi xem. Hai tay kiếm lăm lăm thanh kiếm tưởng tượng mà vờn quanh nhau. Những bàn tay chém mỗi lúc một gần, rồi cả hai cùng quên luôn thanh kiếm tưởng tượng mà cứ thế thụi nhau huỳnh huỵch.

Chúng ngừng chơi lúc lão Armand đi ngang qua. “Nhìn ông già ăn mày buồn cười chưa kìa!” một trong hai kiếm sĩ hét tướng lên.

Lão Armand ngó quanh, lão cũng muốn xem cái ông già ăn mày buồn cười kia. Hẳn lại lão hề Louis với cái mũ đen cao ngất ngưỡng và cái quần rộng thùng thình đây mà. Rồi thì lão nhận ra mình chính là ông già ăn mày buồn cười mà thằng bé đang nói đến.

“Liệu hồn mà ăn nói cho đàng hoàng, đồ sáo đá,” lão đe, đưa tay sờ nhánh nhựa ruồi trên ve áo. “Không ta mách lão Cha Giáng sinh bạn ta về thói hư của chúng bay bây giờ. Lúc đó đừng có kêu là không được quà gì ngoài một bó roi giống như bó trên xe ta đây.”

Bọn nhóc có vẻ hoảng. Ở bên Pháp người ta gọi Santa Claus là Cha Giáng sinh. Ông cười một con lừa xám nhỏ từ phương bắc xuống và phát quà cho những trẻ ngoan.

Đứa bé nhất chìa cho lão quả táo đang ăn dở. “Ông ơi, ông có đói không?” nó hỏi. “Ông có muốn ăn chỗ táo này không ạ?”

Nhưng thằng lớn nhất trong bọn đã đấm tay lên trời, vẻ nhạo báng. “Đào ôi!” nó dè bieu. “Làm gì có Cha Giáng sinh. Toàn chuyện bịa.”

“Nếu không tin lời ta,” lão Armand nghiêm giọng nói, “thì cứ vào cửa hàng Louvre mà xem. Ở ngay gác lửng ấy.”

Lão nhăn nhó cười, trông như một trong những quái vật nhăn nhó trên mấy cái đầu máng xối nhà thờ Đức Bà. Ở đó đúng là có một Cha Giáng sinh, và đó là ông bạn Camille của lão, người vẫn thường ngửa ngáy muốn làm việc mỗi khi trời trở rét.

“Cháu tin ông ạ, thưa ông,” thằng bé có quả táo nói. “Hôm qua cháu đã thấy Cha Giáng sinh bên ngoài cửa hàng. Ông ấy đang ăn hạt dẻ rang ngoài đường.”

Lão Armand nhún vai rồi vội vã quay lưng rảo bước về phía cầu. Mireli nói đúng. Trái tim lão, không lo mà giấu đi cho kỹ thì lũ sáo đá sẽ thó mất. Lão

chả muốn dây dưa gì với bọn chúng. Trẻ con đồng nghĩa với nhà cửa, trách nhiệm cùng một công việc ổn định... tất cả những gì lão đã quay lưng lại từ lâu. Mà lão thì đang mong phiêu lưu.

Xuôi xuống vài dãy nhà nữa là đến cây cầu nơi lão sống khi thời tiết không quá khắc nghiệt. Và nhiều người trong số những kẻ vô gia cư của Paris mà lão thường bù khú trong mùa hè đều đã xí chỗ này chỗ kia cho mình.

“Nhưng trước tiên phải ăn tối cái đã,” lão Armand tự nhủ, mắt nhìn sang nhà hàng bên kia đường. Lão liếm ngón tay cái và giơ lên trời. “Đúng gió rồi,” lão nghĩ.

Thế là lão tấp cái xe nô của mình vào cạnh bức tường thấp và ngồi xuống đón làn hơi thoảng đến từ phía nhà hàng. Lão hít thật đầy vào phổi tất cả hương vị của nhà bếp. “Chà, thịt bò nướng than củi,” lão thốt lên thêm thường. “Nước sốt cũng đúng điệu đấy. Nhưng khoai tây quá lửa mất rồi.”

Lão Armand cứ ngồi trên vỉa hè như vậy hai giờ liền để thưởng thức mùi đồ ăn, vì đó là khoảng thời gian mà một người đàn ông Pháp cho phép mình dùng để ăn trưa.

Rồi lão điệu dàng vén tay áo lau cái miệng râu ria và đứng dậy trên đôi giày u u của mình. “Cứ giữ tiền lẻ đi, chú bồi,” lão hào phóng nói mặc dù chả có anh bồi bàn mặc đồng phục trắng nào ở đây cả. “Chú sẽ cần để tiêu Giáng sinh đấy.”

Lão theo bậc cấp từ mặt đường dẫn xuống mép sông Seine, thả hai bánh sau chiếc xe nô nảy từng từng trên mỗi bậc. “Hơi bị no,” lão tự nhủ, “nhưng giá mình cứ lấy quả táo lúc này thì hay. Đó sẽ là một món tráng miệng đúng điệu sau cái thứ nước sốt ngay như vừa rồi.”

Xuống mép sông, lão đẩy chiếc xe nô về phía vòm gầm cầu chạy dọc bờ sông. Trên bờ sỏi có một ông đang rửa xe bằng nước miễn phí của sông Seine. Một bà mặc áo lông đang cho con chó xù nòi Pháp hóng gió. Một

chiếc xà lan dài bóng nhẫy như con hải cẩu đang trôi trên sông. Đúng là như được về quê sau một thời gian dài đi xa, lão Armand nghĩ bụng. Mà dưới một cây cầu Paris lại chẳng có thiếu gì chuyện hồi hộp nữa chứ.

Khi đến gần lão mới trợn mắt vì ngạc nhiên và tức giận. Một cái lều bạt màu xám nằm chình ình ở hốc tường xưa nay vốn là của lão. Và một cái xe đẩy kiểu trong chợ dựng ngay bên cây cột.

Lão đẩy xe nô chạy vội trên lớp sỏi đến hốc vòm. Đến nơi, lão hùng hổ thò tay giật tung cái lều. Thế rồi hoảng hốt nhảy lui.

“Ô là la!” lão hét toáng lên. “Lũ sáo đá! Cả ồ sáo đá!”

Bởi vì có ba đứa trẻ đang khiếp vía rúc vào cái mền rách, ngược nhìn lên bằng ánh mắt thẳng thốt chẳng kém gì lão. Một con bé và một thằng bé nhủi sâu trong mền. Còn con bé lớn hơn liền nhảy phắt dậy. Nó có cặp mắt xanh ngay thẳng, rất hợp với cái cằm quyết đoán, cái mũi hếch cùng mái tóc đỏ hoe.

“Ông không được bắt chúng tôi đi,” nó hét lên, nắm tay vung vẩy. “Chúng tôi sẽ ở lại với nhau vì chúng tôi là một gia đình, mà gia đình thì phải gắn bó với nhau. Mẹ chúng tôi dặn thế.”

CHƯƠNG HAI

Lão Armand đang nhìn bọn nhóc trềng trềng thì một con chó lông lá bờm xồm, chắc vốn có màu trắng, băng qua bờ sỏi lao đến. Nó nhảy ngay vào giữa lão lang thang và bọn trẻ, cứ nhè lão mà sủa như điên. Lão vội vàng đẩy tới đẩy lui chiếc xe nô che chắn giữa mình và con chó.

“Nếu cái con quái này mà cắn ta,” lão kêu lên, “ta sẽ đi thưa các người và đòi bồi thường mười nghìn franc đấy.”



Con bé gọi con chó. “Lại đây. Jojo! Thôi nào, Jojo! Ông ấy không bắt mình đâu. Chỉ là một ông già ăn xin thôi mà.”

Con chó ngừng sủa và hít hít mấy cái bánh xe chiếc xe nô.

Lão lang thang bực lăm. “Nói cho mà biết, ta không phải ông già ăn xin vớ vẩn nào hết,” lão lên tiếng. Mà đúng thế thật. “Ta không phải kẻ thân cô thế cô, và muốn làm việc gì là ta làm được ngay. Nhưng cha mẹ chúng bay đâu và chúng bay đang trốn ai ở đây? Cảnh sát hả?”

Lão nhìn kĩ bọn nhóc. Rặt tóc đỏ, cả ba đứa, quần áo chắp vá, vẻ nghèo túng không lẫn đi đâu được.

Cặp mắt con bé lớn nhất sáng bừng một màu xanh lơ sâu thẳm. “Chủ nhà đuổi chúng cháu ra vì từ khi bố mất mà nhà cháu không có đủ tiền trọ,” nó kể. “Cho nên mẹ phải mang chúng cháu ra đây vì không còn chỗ ở nữa. Mẹ dặn phải trốn sau tấm bạt để không ai thấy, không thì người ta sẽ bắt chúng cháu đem vào nhà nuôi trẻ nghèo, không được ở với mẹ. Nhưng chúng cháu là một gia đình nên chúng cháu muốn ở với nhau. Cháu là Suzy, còn đây là Paul và Evelyne.”

Thằng bé cũng đã lại hồn một chút. “Cháu mà lớn hơn tí nữa thì cháu sẽ tìm chỗ mới cho cả nhà,” nó vênh váo.

“Ta thấy chúng bay đã tìm được chỗ mới rồi,” lão Armand nói, “và đó là chỗ cũ của ta. Chúng bay đuổi ta ra khỏi nhà ta cũng hết như bà chủ nhà kia đã làm với chúng bay vậy.”

Suzy có vẻ ái ngại. Nó kéo cái xe đẩy ra và nheo một mắt áng chừng lão Armand. Rồi nó lấy cục than mềm vẽ một hình chữ nhật dài trên nền bê tông.

“Đây là phòng của ông,” nó nói. “Ông cứ ở đây với chúng cháu.” Ngẫm nghĩ thêm một lát, nó nghịch ngoạc vẽ thêm một hình vuông nhỏ có kẻ ô

phía dưới hình chữ nhật. “Đây là cửa sổ,” nó trịnh trọng nói, “để ông còn nhìn ra ngắm sông.”

Lão Armand hậm hực trong họng, kéo áo choàng che kín ngực như thể muốn giấu đi trái tim. Chà, con bé sáo đá này đáng gờm đây. Lão phải cuốn gói sớm thì hơn. Paris thiếu gì cầu, sông Seine chẳng chảy qua Paris nghèo nghèo lắm đâu sao. Tìm một cây cầu khác đâu có gì khó nhọc. Nhưng đúng lúc lão dợm bước đi thì con bé đã chạy theo tóm lấy ống tay áo rách bươm của lão.

“Ông ở lại đi ạ,” nó nài. “Chúng cháu sẽ giả vờ ông là ông ngoại chúng cháu.”

Lão Armand khịt mũi. “Này, bé con,” lão nói, “thứ nhất là triệu phú, thứ nhì là ông ngoại, đó là những việc cuối cùng mà ta muốn làm trên đời.” Làu bàu thì làu bàu vậy nhưng lão cũng bắt đầu dỡ đồ ra.

Lão chụm các thân và cành cây lại rồi vun hết lá vào. Lão lôi ra một tấm bạt dơ dáy và một cái móc sắt han rỉ, đặt cái lon sắt nhỏ nhem có quai cầm bên cạnh đám lá, bày ra mấy cái dao muông cong queo. Cuối cùng, lão lôi ra một chiếc giày cũ đã thủng đế.

“Chưa biết chừng lại sắp vỡ được chiếc còng đôi của nó cũng nên,” lão phân trần với bọn trẻ. “Mà nó cũng vừa in chân ta.”

Bọn trẻ muốn giúp lão một tay. Ôi, cái lũ sáo đá này mới khôn chứ. Chúng thật biết cách xỏ mũi một lão già. May mà lão chẳng phải ông nội ông ngoại gì của chúng cả. Tuy nhiên, lão vẫn trải tấm bạt của mình lên chỗ hình chữ nhật mà Suzy đã vẽ.

Lão Armand nhóm lửa với chỗ cành lá khô. Sau đó treo cái lon sắt to lên ngọn lửa, lão đổ vào đó các mảnh vụn đồ ăn mà lão gói sẵn trong một miếng báo.

“Vào cái thời huy hoàng ngày xưa ở Paris,” lão bảo với bọn trẻ, “người ta thường giống chuông ở các chợ vào lúc cuối ngày để cánh ăn mày biết mà đến lượm các thứ còn thừa. Nhưng hết rồi. Nay thì cứ phải tự đi mà lo cho mình thôi.”



Bọn nhóc nhìn lão ăn. Ngay cả con chó vốn có màu trắng cũng nhìn theo từng miếng lão đút vào miệng mà nhều nước dãi xuống mặt sàn bê tông. Lão Armand ngọ nguậy khó chịu. “Chuyện gì?” lão hỏi gằn. “Chúng bay chưa thấy ai ăn bao giờ hay sao?” Chúng lặng thinh không nói gì, nhưng cả bốn cặp mắt thì cứ dõi theo từng chuyển động của cái muỗng trên tay lão Armand. “Ta đoán là chúng bay đang đói,” lão lầu bầu. “Lũ sáo đá cứ phải ăn luôn mồm thôi. Lấy chén bát ra đây.”

Suzy lôi từ xe đẩy ra mấy cái bát nhôm nhem méo mó cùng mấy cái muỗng cong queo. Lão Armand cẩn thận chia đồ ăn, thậm chí còn tính cả phần cho con chó.

Lúc mẹ bọn trẻ về thì trời đã tối. Ánh đèn của Paris đã trôi lững lờ trên sông Seine, nhưng dưới chân cầu chỉ có ánh sáng từ đồng lửa nhỏ của lão Armand. Lão không nhìn thấy rõ mặt người phụ nữ nhưng cảm nhận được cái gay gắt trong giọng nói của chị.

“Ông đang làm gì ở đây?” chị hỏi lão lang thang.

Lão Armand nổi nóng. “Tôi cũng có thể hỏi cô câu đó đấy, thưa cô,” lão vặc lại. “Mẹ con cô đã chiếm khúc cầu của tôi.”

“Cầu đâu phải của riêng ai,” người phụ nữ nói. “Đấy là chỗ trú miễn phí duy nhất ở Paris này mà.”

Suzy cố đứng ra hòa giải. “Ông là một ông già ăn xin thân thiện dễ thương lắm, mẹ ạ,” nó nói, “ông sẽ ở cùng chúng ta.”

“Ta không phải lão ăn mày thân thiện đâu nhé,” lão Armand tức tối kêu lên, “ta là lão ăn mày keo kiệt, gàn dở, ghét trẻ con, chó và cả đàn bà.”

“Ông ghét chúng cháu,” Paul nói, “thế sao lại còn cho chúng cháu ăn cùng?”

“Vì ta là một lão ăn mày ngu ngốc,” lão đáp. “Vì ta là lão ăn mày ngu ngốc có trái tim mềm yếu.” Ô là la! Chết dở rồi. Lão đã lỡ miệng để lộ là mình có trái tim. Bây giờ thì cả cái gia đình không nhà không cửa này chắc chắn sẽ rình rập nó đây.

Bà mẹ không vui tí nào khi nghe lũ con ăn chực của lão lang thang. “Nhà ta đâu phải ăn mày,” chị nhắc chúng. “Mẹ có công việc ổn định ở tiệm giặt, thế là hơn đứt ông ta rồi.”

Chị lẳng xăng hâm nóng súp và cắt ổ bánh mì dài vừa mang về. Lão Armand ngồi trong cái hình chữ nhật Suzy vẽ cho, nghĩ bụng rắc rối của người phụ nữ này chính là sự kiêu hãnh, mà sự kiêu hãnh với một cuộc sống dưới chân cầu thật khó có thể đi chung với nhau.

Lửa gần tàn, người phụ nữ chạy đi chạy lại đến chiếc xe đẩy lấy ra những tấm mền bị nhậy bẩn thủng lỗ chỗ để trải làm chỗ nằm trên sàn bê tông. Ngay trên đầu là xe cộ rú rít, ánh đèn phả xuống cây cầu và khách bộ hành qua lại trên phía bờ cao buông tiếng cười vắng xuống. Nhưng tất cả dường như ở cách xa nhóm người nhỏ nhỏ dưới chân cầu cả triệu dặm.

“Cô phải đưa bọn sáo đá vào một nhà tế bần nào đó cho đến khi tìm được chỗ ở mới cho mình, cô ạ,” lão Armand đề xuất sau khi bọn trẻ đi ngủ. “Cuộc sống như thế này không phải dành cho chúng. Nghe này, cô không muốn chúng đến nông nổi như tôi chứ, đúng không?”

“Một gia đình thì phải gắn bó với nhau cả lúc sướng cũng như lúc khổ,” người phụ nữ đáp. “Mà tôi cũng có nhiều hi vọng. Sắp tới tôi sẽ đến chỗ chị dâu tôi. Có thể chị ấy sẽ tìm một chỗ cho chúng tôi bên mạn Clichy.”

Lão Armand nằm duỗi dài trên tấm bạt, chả cần đắp gì. Lão chịu lạnh đã quen, không còn cảm thấy nó nữa. Nhưng lão biết chắc bọn nhóc tí này thế nào cũng lạnh. Nằm trên sàn cứng mà một ý nghĩ khó chịu cứ cắn rứt lão, cứ như có con chuột đang dứt dứt dây giày. Bây giờ đã lỡ làm quen với với lũ sáo đá kia rồi, cuộc đời lão sẽ không hoàn toàn là của riêng lão nữa.

Buổi sáng mờ mờ len dần vào bóng tối dưới chân cầu, lão Armand thức giấc thì thấy người phụ nữ đã đi rồi, còn ba đứa trẻ đang cho con Jojo ăn một miếng bánh mì cũ.

“Chúng bay vẫn còn ở đây sao?” lão hỏi. “Chẳng phải hôm nay phải đi học hay gì sao?”

Suzy lắc mái tóc đỏ. “Chưa có chỗ ở thì bọn cháu chưa đi học lại được. Mẹ bảo không khéo thầy cô sẽ hỏi đến, rồi thì người ta tách mẹ con bọn cháu ra mà đưa bọn cháu vào nhà nuôi trẻ mất.”

“Mẹ chúng bay muốn có chúng bay ở bên hơn ta,” lão nói. “Nhưng con nít thì phải đi học chứ. Liệu ta có ở đây không nếu hồi nhỏ ta đi học?”

“Ồ, cháu thích đi học lắm,” Suzy nói, đôi mắt xanh lơ sáng lên. “Cháu thích đọc với thích viết. Cháu ước lớn lên làm cô giáo. Ông coi này, có một ông trên xà lan ném cho cháu mẫu than để cháu viết thay bút chì đây này. Ước gì bọn cháu sớm được đi học lại.”

“Mình khác nhau chỗ đó đấy,” lão Armand thú thực. “Ta chưa bao giờ thích đi học cả. Nhưng ban ngày chúng bay cũng phải đi đâu đó chứ. Mẹ chúng bay không thể bắt ta trông coi chúng bay được. Ta cũng có việc phải đi nữa chứ.”

“A, thế thì bọn cháu đi với ông được không?” Suzy nài. “Bé Evelyne trông thế chứ đi bộ giỏi lắm ạ. Em ấy không mệt đâu.”

“Không,” lão Armand lo lắng kêu lên. “Không đi theo ta được đâu, đừng có kẻo nhèo.”

“Đi mà, ông ăn xin, cho tụi cháu đi với,” Paul năn nỉ. “Ngồi không dưới này thì lạnh đến chết mất.”

“Đừng vô lễ thế, Paul,” Suzy nhắc. “Nếu em không xin lỗi thì ông ấy sẽ không cho mình đi đâu.”

“Nhưng biết gọi ông ấy thế nào bây giờ?” Paul hỏi lại. “Em có biết tên ông ấy đâu.”

“Ông ơi, ông tên gì?” Suzy hỏi lão.

“Armand,” lão lang thang đáp.

“Thế còn họ ạ?” Paul hỏi gặng. “Họ của bọn cháu là Calcet.”

Lão Armand nhún vai. “Ta quên rồi,” lão thú thực. “Ta nhớ hình như Pouly hay Pougy gì đó. Đại để thế. Gọi Armand là được rồi.”

“Hay quá, thưa ông Armand,” Paul nói. “Cháu xin lỗi vì đã gọi ông là ông ăn xin. Bây giờ ông cho chúng cháu đi với chứ ạ?”

“Chắc chắn rồi,” Suzy vội nói. “Trông ông ấy bầy hầy thế chứ trái tim ông tốt lắm. Cả Jojo đi nữa, được không ông?”

Lão Armand sờ lên ngực áo choàng, chỗ che trái tim. Ôi, bọn nhóc này đúng là đang nhắm vào nó đây, chắc chắn rồi. “Ô là la!” lão kêu lên. “Đi đâu cũng kéo theo một lũ sáo đá với một con chó thế này thì còn ra thể thống gì nữa?” lão ngán ngẫm. “Bạn bè nào chịu cho mình tụt tụt với cả đám âm ường này chứ?” Thế rồi một nét ranh mãnh thoáng qua trên khuôn mặt phong sương của lão. Có lẽ kéo đám nhóc tì thảm hại này ra đường cũng không đến nỗi dở đâu. Không, thật thế! Lão đã có một ý cực hay. Tất nhiên đó không phải là thứ mà một bà mẹ kiêu hãnh chấp nhận. “Mấy đứa có thích lên phố gặp Cha Giáng sinh bạn ta không?” lão hỏi bọn trẻ.

Thằng Paul bàng hoàng không dám tin. “Ông quen cả Cha Giáng sinh cơ à?” nó hỏi.

“Mẹ bảo năm nay ông ấy sẽ không đem gì đến cho chúng cháu vì không biết chúng cháu ở đâu,” con bé Evelyne nói.

“Thế thì ta đến thẳng cửa hàng Louvre,” lão Armand tuyên bố. “Cứ đến thẳng đấy báo cho ông ấy biết chỗ.”

CHƯƠNG BA

Armand, lão lang thang Paris, dẫn lũ nhóc tóc đỏ leo mấy bậc cấp lên thành phố nhọn nhíp bên trên. Bộ óc già nua bên dưới chiếc mũ bê rê cũ kĩ đang bận rộn với những kế hoạch lớn lao cho bọn trẻ và cho chính lão. Xem ra bọn sáo đá cũng không đến nỗi quá tệ. Chúng cũng có ích đấy chứ.

Lão bước phía trước, dẫn đường băng qua cầu rồi vòng qua nhà thờ Đức Bà. Suzy dắt tay con bé Evelyne theo sau. Thằng Paul thì chốc chốc lại tụt tạt ngó nghiêng cái gì đó, có lúc lại chạy lên trước nói chuyện với lão lang thang. Con chó hăn vốn có màu trắng lóc cóc chạy bên đôi giày mòn vẹt của Suzy.

Cả đám láo nháo đi qua cây cầu nổi hòn đảo với bờ phải. Bọn nhóc quay ngang quay ngửa nhìn ngó những ngọn tháp rồi tháp canh lạ mắt bên trên nóc Hôtel de Ville.

“Đó là tòa thị chính, nơi người ta điều hành Paris đấy,” lão Armand giải thích. “Hừm! Ta đây ngồi dưới gầm cầu điều hành còn giỏi hơn.”

Mấy con bồ câu xanh chấp chới đầy hy vọng quanh mấy ông cháu.

“Đồ ăn xin!” lão lang thang khịt mũi. “Cứ quấy rầy người ta xin bố thí.” Jojo cũng cho là thế. Con chim nào lảng cháng đến gần lũ trẻ quá là nó đuổi liền.

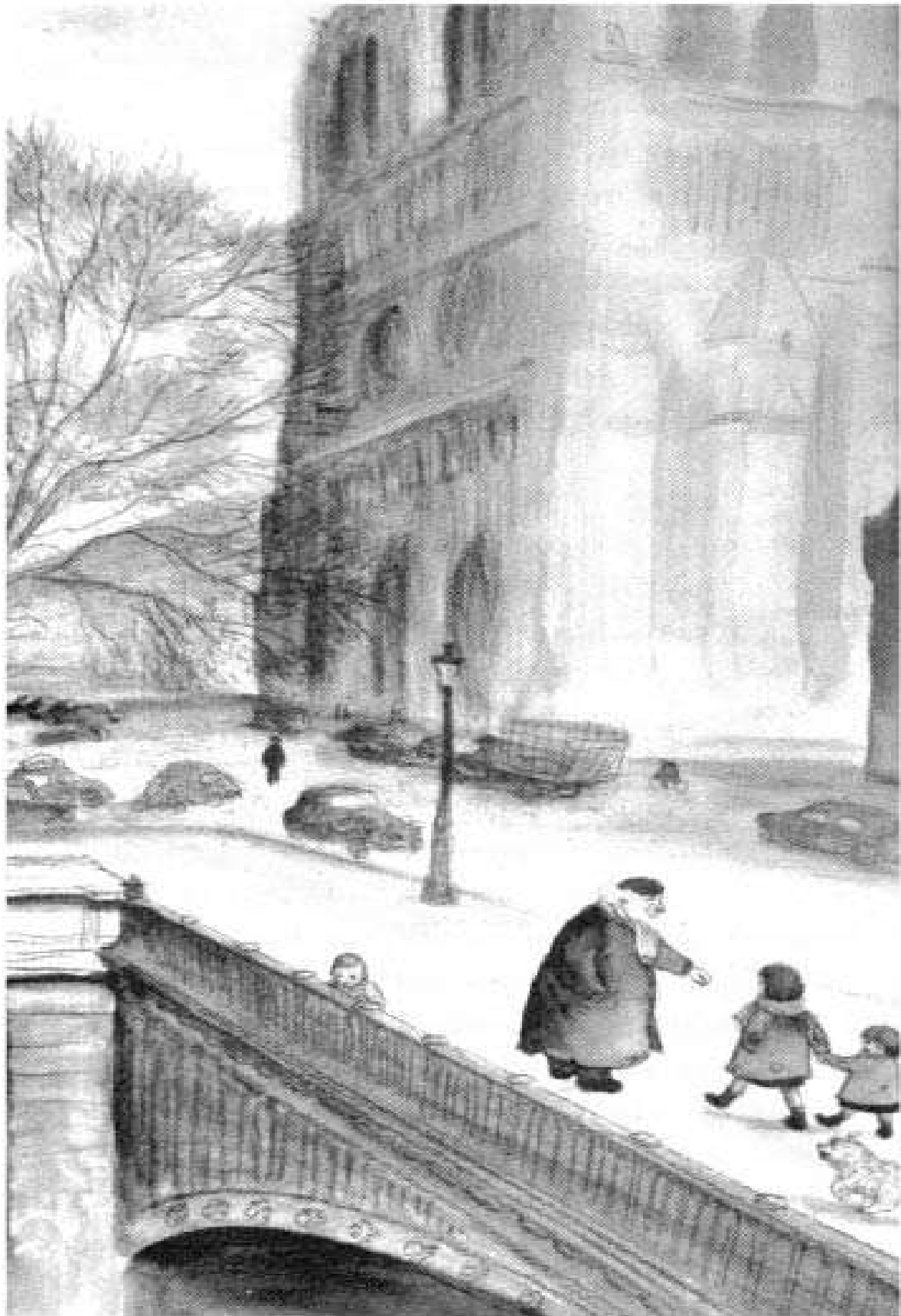
“Giá mà có ít bắp cho chúng ăn,” Paul nói.

“Thấy ta nói gì chưa?” lão Armand hỏi. “Ngay cả những kẻ không có gì bỏ miệng cũng vẫn còn sẵn sàng cho bồ câu ăn cơ đấy. Ước gì ta cũng là chim.”

Cả nhóm kéo nhau qua con đường rải đá ảm đạm cho đến tận Rue de Rivoli nhọn nhíp. Nơi này đầy những người đi mua sắm lễ.

Giáng sinh quả thực đã đến rất gần con phố làm ăn. Những người bán hàng rong đứng sau các quầy trên vỉa hè oang oang rao hàng và nài nỉ khách qua đường ghé xem. Người ta đang mua nào khuyên tai, nào nịt tất, nào chất làm mềm nước, nào khăn quàng lụa ở những quầy hàng rong. Người ta mua bán điên cuồng và ồn ã, như thế chẳng còn bao giờ tìm được thứ gì như vậy ở Rue de Rivoli nữa không bằng. Và cứ nhìn cái kiểu mua bán điên rồ như thế, chắc đến mai sẽ chẳng còn gì mà bán nữa thật.

Lão Armand liên tục phải quay lại dỗ bọn trẻ đi tiếp. Thứ gì chúng cũng muốn đứng lại xem. Chúng dừng lại ngắm chú lính bằng máy mà một ông kia cho chạy thử trên vỉa hè. Chú lính bước đều và giơ tay chào rõ oai, phải mất bao nhiêu công mới lôi được thằng Paul ra khỏi chỗ đó.



“Cái thứ đồ chơi rẻ tiền ấy mà,” lão Armand dè bủ. “Đem về nhà là khỏi chạy luôn, không thì chạy một vòng thôi là đứt cốt ngay. Ta có ông bạn chuyên bán mấy thứ này mà lại.”

Vừa dỡ được chúng rời khỏi món đồ chơi thì lại đến tiệm bánh. Có một cái bánh khúc cây Giáng sinh bày trong quầy kính - cái khúc cây trông đến là ngon. Nó có màu nâu sô-cô-la với mấy đọt nấm xinh xinh nhú lên từ khúc thân ngọt lịm. Những đóa hồng bông đường cũng mọc ra từ đó. Lại còn cả một nhánh thường xuân trông y như thật cuốn quanh khúc thân với những chiếc lá xanh non vươn dài nữa chứ.

“Ôi, trông đẹp chưa kìa!” Suzy thốt lên và liếm môi.

“Mình em có thể ăn hết cả cái luôn,” Paul kêu lên.

“Em đói,” Evelyne rên rỉ.

Lão Armand lại phải lôi từng đứa ra. “Ăn như ăn thuốc chứ ngon lành gì,” lão nói. “Tất cả, ngoài cái dây leo kia. Cái thứ đấy ăn thì đúng thật như cây thường xuân, vừa dai vừa đắng. Ta đã ăn bánh khúc cây Giáng sinh một lần rồi ta biết.” Xem ra bọn trẻ chẳng có vẻ gì tin lời lão cả. “Đó là cách người ta lừa trẻ con uống thuốc đấy,” lão cả quyết.

Cả đám kéo nhau sang đường khi người cảnh sát dừng xe cộ lại. Mấy ông cháu đến chỗ một cái lò bằng sắt to tướng có một ông đang bán hạt dẻ nóng, rang đến đâu bán hết veo đến đấy. Không khí ấm sực quanh lò, và mùi hạt dẻ rang thì cứ treu người. Bọn trẻ dừng lại, nhìn cái lò hau háu.

“Đi nào, đi nào,” lão Armand sốt ruột giục. “Toàn hạt dẻ sâu thối. Chúng bay nghĩ Cha Giáng sinh cứ ngồi đấy chờ mình đến tận nửa đêm chắc? Mà còn phải đi một đoạn đường dài nữa mới đến được Louvre.”

Nhưng trên đường có quá nhiều thứ để nhìn ngắm nên xem ra cũng khá gần. Chẳng mấy chốc, cả nhóm đã đi vào dưới các mái che của cửa hàng. Mà ở

phía ngoài này cũng bày bán nhiều thứ chẳng kém trong các cửa hàng - ngân ấy xe đẩy và người bán rong kia mà.

Lão Armand lùa bầu đoàn bé nhỏ của mình qua một trong những cánh cửa kính to đùng vốn là niềm kiêu hãnh của cửa hàng. Khi vào tới bên trong, lũ trẻ và con chó cứ ngỡ mình lạc vào xứ thần tiên. Trong cửa hàng vĩ đại này vừa ấm áp vừa đẹp đẽ, với ánh đèn sáng trưng và những màu sắc chuyển động. Lại còn có cả mùi thơm của các loại nước hoa quyện vào nhau, như thể hoa trên khắp thế gian cùng nở rộ phía sau những quầy hàng phủ vải mềm và bày đầy nữ trang lóng lánh kia vậy.

“Ta phải lên chỗ gác lửng trên kia,” lão Armand nói. “Có lẽ nên đi thang máy của họ, giữ chân giữ cẳng để còn đi bộ về.”

Thế là cả bọn bèn đến chiếc thang máy gần nhất. Nhưng không thể nhồi hết tất cả những người đang chờ vào một lúc được.

“Phải đi thang bộ thôi,” lão Armand quyết định. “Bọn bay có nghĩ các bà kia nên ở nhà nấu nướng giặt giũ thì hơn không?”

“Mẹ cháu sẽ làm thế ngay nếu có thể,” Suzy nhanh nhẩu nói.

Mấy ông cháu lên cầu thang. Mắt đám trẻ càng lúc càng thêm mơ màng. Chúng trông thấy những cái bàn đồ chơi chất cao chóc góc. Chúng đang lạc vào lãnh địa của Cha Giáng sinh. Chúng cung kính nhón chân theo sau lão lang thang vào gian phòng nơi trẻ con có thể chụp hình với ông thánh - miễn là bố mẹ chúng chịu trả tiền.

Lão Armand nhòm vào. Bọn nhóc nín thở.

“Ông ấy không có đây,” lão lang thang thất vọng nói.

Nhưng đúng lúc đó thì chính Cha Giáng sinh vòng qua dãy quầy bước lại. Ông mặc chiếc áo choàng đỏ dài tới tận mắt cá chân, còn bộ râu bạc xoắn

xoăn phủ hết cả ngực. Ria mép của ông gợn sóng và được chải sấp. Nhưng cặp mắt đen của ông thì cúi kính và nắm tay đang hua lên về phía hai thằng bé chạy đằng trước.

“Ta mà bắt được chúng bay nghịch cái xe lửa chạy điện lần nữa là ta tống cổ cả hai ra khỏi cửa hàng đấy nghe chưa,” ông đe.

Bọn trẻ nhà Calcet sợ mất vía. Cả ba đứa nép vào sau lưng lão Armand. Rồi khi Cha Giáng sinh tiến đến thì con bé Evelyne hoảng sợ khóc òa lên, còn con Jojo thì gừ gừ. Vừa trông thấy lão Armand, những nếp nhăn giận dữ trên trán Cha Giáng sinh liền biến mất và vô tình cuộn quanh môi ông. Mắt ông dịu lại ngạc nhiên và thích thú.

“Hô, hô, hô!” ông bật cười theo kiểu Cha Giáng sinh vẫn cười. “Xem ông cháu quý hóa nhà ai hôm nay tới thăm ta này.” Đoạn ông lại cười hô hô hô mãi, đến nỗi bọn trẻ đã sợ là ông bị bùa ho.

Lão Armand kéo bọn trẻ nhà Calcet ra trước mặt mình, lần lượt từng đứa một. Evelyne đã thôi khóc và Jojo cũng thôi gậm gừ.

“Ông không tin nổi tôi tìm thấy chúng ở đâu đâu,” lão Armand nói, “có điều chúng cứ muốn tới gặp ông.”

Mắt bọn nhóc lại sáng rỡ. Chúng mừng quá không thốt nổi nên lời.

“Năm nay các cháu có ngoan không nào?” Cha Giáng sinh hỏi.

“Chúng cháu đã cố lắm đấy ạ,” Suzy nói tránh.

“Đôi khi chúng cháu cũng hơi lẫn lộn việc gì là ngoan và việc gì không ngoan ạ,” Paul thú thực.

“Cháu đã kéo đuôi Jojo, nhưng từ nay cháu không làm thế nữa ạ,” Evelyne cũng nhận lỗi.

Cha Giáng sinh có vẻ hài lòng. “Ta thích những đứa trẻ thật thà,” ông nói. “Bọn khác thì đứa nào cũng khoe mình cả năm ngoan như thiên thần. Nào, các cháu muốn ta mang quà gì đến nhân dịp Giáng sinh đây?”

“Chúng cháu muốn một cái nhà ạ,” Suzy nói. “Xin ông mang đến cho chúng cháu một cái nhà, được không, Cha Giáng sinh?”

“Hô, hô, hô!” Cha Giáng sinh cười đáp lại. “Cái này thì bố mẹ các cháu mới đồng ý được. Nhưng các cháu muốn nhà loại nào? Một cái nhà đồ chơi?” Ông liếc nhìn Jojo. “Hay một cái nhà cho chó?”

“Một cái nhà thật cơ ạ,” Paul nói. “Nhà mà chúng cháu ở được ấy.”

“Có cả tường, cả mái ấy ạ,” Suzy nói.

“Cả cửa sổ nữa ạ,” Evelyne đế thêm. “Cháu thích nhìn ra cửa sổ đợi chị Suzy với anh Paul đi học về.”

Cha Giáng sinh thôi không cười hô hô hô vui nhộn nữa mà nhìn chúng chăm chăm. “Đã có ai nghe nói trẻ con muốn quà Giáng sinh là một cái nhà thật bao giờ chưa nhỉ?” ông hỏi lại. “Vậy một cái trống cho cậu nhỏ và búp bê cho các cô bé, được không nào?”

“Không ạ,” Suzy khẳng định, “phải một cái nhà thật cơ.”

Cha Giáng sinh đảo cặp mắt đen và vân vê ria mép. “Phải là búp bê hay đồ chơi cơ, các cháu của ta,” ông nói. “Con lừa nhỏ của ta không thể thồ trên lưng cả một ngôi nhà được. Các cháu biết mà.”

Bọn trẻ xịu mặt. Nhưng rồi Suzy cũng nhớ lại phép tắc. “Dù sao chúng cháu cũng cảm ơn ông, thưa Cha Giáng sinh,” nó nói, giọng run run. “Cháu nghĩ rằng chúng cháu chẳng cần gì khác ngoài ngôi nhà đâu ạ.”

“Cháu thì có,” Paul nói. “Cháu muốn có gì đó để ăn.”

“Còn cháu muốn một con búp bê,” Evelyne thêm vào.

Cha Giáng sinh mở miệng định nói gì đó nhưng một cô bán hàng xinh đẹp đã chen vào. “Ông nên vào ngay phòng chụp đi, kẻo ngài Latour đuổi việc ông bây giờ,” cô ấy nói. “Có bốn đứa trẻ đang chờ được chụp hình đấy.”

Cha Giáng sinh vỗ đầu từ biệt từng đứa nhỏ tóc đỏ, rồi nói với lão Armand, “Ngài Latour này đang tìm một người gác đêm cho một tòa nhà của bạn ông ta đấy. Ông muốn làm không?”

“Ô là la!” lão Armand kêu lên. “Tôi có đến gặp Cha Giáng sinh để xin việc đâu. Chào nhé, Camille.”

Lão lại dẫn bọn trẻ xuống cầu thang, nhưng giờ chúng lặng lẽ đến lạ. Thậm chí tai Jojo còn rũ xuống và đuôi cũng cụp cả vào.

Khi mấy ông cháu đi qua giữa các dãy quầy thì tầng chính đã bớt đông. Một người trực tầng lịch lãm trông thấy đám bụi đời liền chạy đến. Ông ta tạo ra một tiếng động khe khẽ khi rút chiếc khăn trắng muốt từ túi áo ra.

“Có phải các người vào nhầm cửa hàng không vậy?” ông ta kiêu kì hỏi.

“Tôi dám chắc là chúng tôi đã vào nhầm cửa hàng,” lão Armand trả lời cũng kiêu kì không kém. “Chúng tôi mang con chó vào đây để nó đi thang máy, thế mà thang máy nào cũng chật cứng.” Lão huýt con Jojo. “Lại đây nào, cậu bé, chúng ta sẽ đưa cậu sang bên Printemps.”

Jojo gầm gừ với người trực tầng ngạo mạn. Cái nhóm nhỏ hướng ra phía cánh cửa kính to đùng mà cửa hàng này rất lấy làm hãnh diện. Tất cả đều run lên khi bước ra ngoài trời lạnh cắt da.

CHƯƠNG BỐN

“Có một gian hàng Giáng sinh đẹp lắm dưới này này, mấy đứa phải xem mới được,” lão Armand bảo bọn trẻ. Lão muốn chúng vui lên một chút vì trông đứa nào cũng ủ ê và câm lặng.

Lão đưa chúng đến cửa chính trông ra quảng trường Palais Royal. Một đám đông đã đứng chặn hết cửa sổ nhưng lão Armand cùng lũ nhóc đồng hành vẫn len lỏi ra được phía trước.

Bọn trẻ mắt tròn mắt dẹt. Một cảnh tượng hoành tráng thế này chúng chưa từng thấy bao giờ. Một băng rôn gần mặt tiền cửa sổ cho biết đây là cảnh “Đám cưới của Tartine”. Đúng là một đám cưới như trong sách. Hai người máy, một đàn ông, một đàn bà, mặc đồ trắng lộng lẫy kiểu ngày xưa đứng trên một rạp cao. Hai người chững chạc cúi chào nhau trong tiếng nhạc du dương lãng mạn. Nhưng kì diệu hơn nữa là đám rước của những hình người nhỏ xíu phía dưới đôi tình nhân. Đó là những đầu bếp đội mũ trắng bưng các món ngon lành kỳ diệu cho bữa tiệc cưới. Một người bưng một con công sặc sỡ, cổ thụt lên thụt xuống theo tiếng nhạc. Người khác giơ cao một con cua bự, cặp càng cua quặp vào mở ra giữ nhíp. Lại một người nữa bê một cái bánh ngọt trông còn ngon hơn cả cái bánh khúc cây Giáng sinh ở tiệm bánh hồi nãy nữa. Mỗi ông đầu bếp bé nhỏ đều hãnh diện với món ăn của mình đến nỗi cứ nhảy nhót vòng quanh trong đám rước.

“Cháu cá là đám cưới xong họ sẽ về sống trong một tòa lâu đài tuyệt đẹp,” Suzy thở dài, mắt dán vào đôi cô dâu chú rể.

“Cháu đói quá,” Paul nói.

“Cháu cũng thế,” Evelyne phụ họa.

Con chó chắc vốn có màu trắng nhuộm nước dãi lên giày một ông nọ.

Vẻ tinh quái hiện lên trong mắt lão Armand.

“Ta cá là mấy đứa thuộc lời bài hát đang chơi trong đám cưới đó,” lão dụ. “Đó là bài Nàng Tartine. Nếu mấy đứa hát bài này thì ta sẽ kiếm thứ gì đó cho mà ăn.”

Thằng Paul đưa tay che miệng. Con Evelyne cũng đút ngón tay vào mồm. Suzy ngần ngại lắc đầu. “Ở đây đông người quá,” nó nói.

“Thì hát cho họ nghe chứ sao,” lão Armand nói. “Đừng để người ta cười cho là ngốc nghếch, đến một bài hát cũng chả biết. Nào, mở cái miệng nhỏ xinh ra mà hát như chim hoàng yến xem nào.”

Thế là Paul bỏ tay ra khỏi miệng và cất tiếng hát, giọng tuy mảnh nhưng chắc. Rồi Suzy cũng hòa theo bằng một giọng cao ngọt ngào. Evelyne rút ngón tay trong mồm ra và hát theo anh chị nó. Chúng hát như ba con chim non đậu trên cành vào tiết xuân. Khi đám trẻ đã hát được hai đoạn thì lão Armand vỗ tay rõ mạnh. Rồi lão lột cái mũ bê rê trên đầu xuống và lần lượt chìa ra trước mặt hết người này đến người khác trong đám đông.



“Làm ơn làm phúc,” lão lên giọng. “Làm ơn làm phúc giúp lão già nghèo cùng ba đứa cháu mồ côi miếng ăn manh áo. Và cả con chó bị bỏ rơi này nữa.”

Mọi người cho rất hào phóng vì họ đang cảm thấy hơi hương của Giáng sinh. Những đồng xu rơi tới tấp vào mũ bê rê của lão lang thang.

Màn đồng ca xem ra rất thành công nên lão Armand chờ lượt thứ nhất đi khỏi và lượt sau kéo đến xem trước quầy kính. Thấy đông đông lão lại bảo bọn trẻ hát. Rồi lão lại cầm mũ bê rê đi gom tiền.

Việc này sẽ vẫn tiếp diễn thêm một lúc nữa nếu như người đàn ông trực tầng kiêu kì không ra phía ngoài cửa hàng xem làm sao người ta bu lại cửa sổ đông đến thế. Ông ta quắc mắt nhìn nhóm tứ tấu.

“Đi chỗ khác,” ông ta ra lệnh với một cái phẩy tay, mặt vênh lên trời. “Không được ăn xin trước Louvre.”

Lão Armand chẳng thèm đôi co. Cái mũ bê rê của lão đã đầy những xu, lão vợ lấy tuồn hết vào túi.

“Nào, bày chim hoàng yến,” lão nói. “Mấy đứa giỏi lắm. Ta sẽ thưởng bánh kẹo cho.”

Lão dắt chúng vòng góc đường đến chỗ một ông người Breton đứng sau một cái quầy làm bánh kẹo trên hai tấm sắt tròn đen thui.

“Tôi lấy tạm một tá bánh trước đã,” lão nói, nhưng trước đó lão phải chìa tiền ra cho ông người Breton thấy thì ông kia mới chịu đổ bột vào khuôn.

Ông kia chậm rãi làm từng cái bánh, chậm đến nỗi bọn nhóc tưởng sẽ chết đói trước khi ông ấy làm xong được một tá. Hương vị còn thơm hơn cả mùi hương trong Louvre nữa. Bánh kẹo cái nào cái nấy to bằng cái bánh xe trượt mà lại mỏng như tờ giấy. Ông người Breton phết bơ và mút lên từng cái, sau

đó gập đôi lại. Mỗi người được ba cái bánh. Nhưng con Jojo cứ rên ư ử rõ tội nghiệp nên ai nấy mới nhớ ra chắc nó cũng đói rồi. Thế là lão Armand bảo làm thêm một tá nữa.

Bầu đoàn kéo nhau về, vừa đi vừa sung sướng nhắm nháp bánh kẹo, chỉ riêng Jojo là vẫn rên ư ử vì mỗi cái bánh của mình nó chỉ làm một miếng là xong.

Lúc đến chỗ góc đường có một đám đông khách mua hàng đang chờ xe buýt, lão Armand lại xui bọn trẻ hát vài bài Giáng sinh gì đó giúp vui cho những con người đã mệt mỏi rã rời ấy. Lần này thì bọn trẻ nhà Calcet đã bạo dạn hơn một chút. Chúng ra sức hát thật to.

Cũng như lần trước, lão lang thang lại cầm mũ đi vòng quanh. “Làm ơn làm phúc,” lão năn nỉ, “giúp lão già nghèo nuôi đàn cháu đói ăn.”

Nhưng lúc xu đang rơi vào mũ thì một bàn tay hung bạo vỗ ngay vào lưng lão Armand. Lão sợ hết hồn, cứ tưởng là cảnh sát. Thế nhưng đó chỉ là một người đàn ông khác cũng rách rưới chẳng kém gì lão. Một cái hộp to đeo trên cổ ông ta, trong hộp là một chú khỉ nhỏ mặc bộ đồ màu xanh-đỏ đang nhìn nhó qua lớp kính.

“Ông xâm phạm lãnh địa của tôi là có ý gì?” ông có con khỉ hỏi. “Ông đang cướp cơm của tôi đấy.”

Lão Armand cố làm hòa. “Này, đừng gây sự mà, Titi,” lão nói. “Thiếu gì đám cho cả hai đứa ta. Những ai thích nghe ca hát thì đâu có để ý xem một con khỉ diễn trò chứ.”

Titi không dụ đi tí nào. “Một đặng là trẻ con, một đặng là khỉ, khác gì đâu?” ông ta hỏi. “Mà đây là góc đường của tôi.”

Bọn trẻ thì không tham gia vào màn đấu đá, mặc dù Jojo có sủa con khỉ, còn con khỉ thì làm bộ mặt nhăn nhó khó thương nhất với con chó. Sau đó con

khí tặng cho bọn trẻ một nụ cười buồn và chìa cái mũ màu xanh lá về phía chúng.

“Ồ, nó cũng xin tiền kìa,” Suzy nói, “lại còn cả cái bát trên nóc cái hộp để đựng xu nữa chứ. Ông Armand ơi, mình cho con khi ít tiền, ông nhé.”

“Đừng hòng,” lão Armand quát.



“Đi mà, đi mà, ông,” Evelyne van vi. “Con khi con cũng muốn mua ít bánh kẹp đấy, ông ạ.”

Đến lúc ấy những người đi mua hàng đã lên xe buýt gần hết. Lão Armand tính xua bọn nhóc của mình chuồn đi, nhưng bọn nhóc lại không cho, mãi đến khi lão quăng vào cái bát một đồng xu cho con khi thì chúng mới thôi.

“Cái tay Titi này rõ là đồ đểu,” lão lang thang phân trần khi cả bọn đã đi xuôi xuống con phố. “Hắn lợi dụng con khi để kiếm tiền cho mình.” Đoạn lão xóc xóc những đồng xu trong túi mình.

Đến chỗ bán hạt dẻ, lão lại đái bọn trẻ một châu nữa. Chúng sốt ruột chờ vì vỏ hạt dẻ làm tay chúng nóng rẫy.

“Này, bây giờ thì nhớ nhé,” lão Armand dặn bọn nhóc, “không được hở ra lời nào cho mẹ đấy, không thì hàng ngày ta không đưa đi chơi nữa đâu.”

Nhưng đến khi bà Calcet mệt nhọc leo xuống bậc cấp tối hôm đó thì bọn trẻ chạy ùa ra đón.

“Con để phần mẹ một cái bánh kẹp đây này,” Suzy reo toáng lên, tay thọc vào túi chiếc áo khoác bạc màu của mình. “Nó nguội mất rồi, nhưng vẫn ngon lắm mẹ ạ.”

Paul cũng thọc tay vào túi áo khoác của nó. “Con thì mang về cho mẹ mấy hạt dẻ đây này, mẹ,” nó nói. “Hạt dẻ cũng nguội mất rồi, nhưng ăn càng ngon.”

Evelyne phụng phịu. “Con không phần mẹ gì cả, mẹ ơi,” nó mếu máo. “Con quên.”

Mẹ con bé ôm nó vào lòng. “Không sao đâu,” chị nói, “mẹ cũng có thứ mang về cho các con đây.” Thế rồi chị ngờ ngợ. “Các con lấy đâu ra bánh kẹp với hạt dẻ thế?”

Suzy và Paul cụp mắt xuống.

“Bọn con hát mấy bài rồi người ta ném tiền vào mũ ông Armand,” Evelyne kể.

Chị Calcet liệng luôn những món quà của lũ con xuống đất và giậm dữ bước về phía lão lang thang đang nằm duỗi dài trên tấm bạt của mình. “Ông biến đám con tôi thành ăn mày,” chị mắng. “Ông đã lợi dụng chúng để xin ăn ngoài đường.”

“Thôi mà, thôi mà, cô,” lão Armand cố đầu dụi. “Các nghệ sĩ lớn hát trong nhà hát Opera được trả tiền cũng là ăn xin hay sao? Tôi sẽ chia phần cho cô mà.”

Nhưng chị Calcet cứ mãi miết giật hết mấy tấm bạt xuống và thu dọn chần mền lại. “Tôi không cần một xu nào cái thứ tiền bẩn thỉu của ông cả,” chị vặc. “Ta sẽ đi khỏi đây,” chị quát bọn con. “Mẹ cấm các con không được chơi bời gì với ông ta nữa.”

Bọn nhóc than khóc như ri. Ngay cả Jojo cũng rầu rĩ rên ư ử, xem chừng cu cậu cũng đoán ra rằng sẽ chẳng còn bánh kẹo ở đường Rue de Rivoli mà ăn nữa.

Lão Armand cao ngạo giơ đôi giày móp méo của mình lên. “Không cần đâu, thưa cô,” lão kiêu kì nói, y như lúc nói với gã trực tăng. “Tôi sẽ đi để khỏi phiền đến các người. Tôi khắc biết lúc nào mình không được chào đón.”

Lão chẳng mất bao nhiêu thời gian để xếp đồ lên chiếc xe nô.

“Ông đừng đi, ông ơi,” Suzy khóc lóc. “Mẹ, đừng bắt ông đi, né mẹ.”

“Ông là ông của bọn con mà mẹ,” Evelyne thút thít.

“Ngoài mẹ ra bọn con chỉ còn có ông ấy thôi,” Paul đế thêm.

Nhưng lão Armand đã vênh mặt lên. “Cứ giữ cái cầu cho mình đi, thưa cô,” lão nói. “Sẽ còn lâu cô mới tìm được thứ gì khác. Chào lũ chích chòe!”

Đoạn lão đẩy cái xe nô của mình ra bờ sông. Lão cố tình gây thật nhiều tiếng ồn để át đi tiếng khóc than của bọn trẻ, cùng tiếng rên ư ử của con chó.

CHƯƠNG NĂM

Lão Armand cau cau có có đẩy chiếc xe nôl dọc theo bờ sông. Lão đi qua một găm cầu nữa. Cái găm cầu này có vẻ sâu và đầy mời gọi, lại có cả những vòng sắt rất tiện cho lão máng đồ lên. Nhưng các tàu chữa cháy của Paris lại cập ngay đây.

“Có cháy ở đâu đó gần bờ sông là cả Paris kéo tới ngay trên đầu mình cho xem,” lão Armand lầu bầu.



Thế là lão lại lóc cóc sang nơi khác. Lão chỉ dừng lại một lần xem một ông đang kéo dây câu vì tưởng sẽ có một con cá to. Té ra chỉ là một chiếc giày ướt sũng.

“Chà, hi vọng của người ta rồi ra đều thế cả, ông ạ,” lão Armand buồn rầu bảo ông câu cá. Thế rồi lão sung sướng nhảy cẫng lên. “Cùng đôi với chiếc giày trong xe của tôi,” lão reo. “Đúng y rồi!”

Ông câu cá gỡ chiếc giày ra và đưa nó cho lão Armand. “Ô là la, thưa ông,” lão lang thang nói, “chứng tỏ là đừng bao giờ từ bỏ hi vọng.”

Rốt cuộc lão lang thang cũng tìm được một cái găm cầu vừa ý. Lão cẩn thận trải tấm bạt như một người đàn ông của gia đình trải tấm thảm trong ngôi nhà mới.

“Không ấm cúng bằng căn phòng con bé hoàng yến nó làm cho mình,” lão thừa nhận. “Lạ là mấy đường kẻ đen đen trên nền bê tông thế mà cũng che được gió lùa cơ đấy.”

Và đêm đó lão ngủ không yên giấc. Lão cứ nghĩ đến bọn trẻ. Chúng có đủ ấm không? Chúng có thấy cô quạnh không? Lão cố giả bộ như mình đang buồn vì cơn gió khác. “Đó là cây cầu của mình kia mà,” lão nói thành tiếng. “Cái nhà ấy không có quyền đuổi mình ra khỏi tài sản của mình. Mình phải trở lại đòi quyền của mình mới được.”

Sáng hôm sau thức giấc, lão Armand nhận thấy đêm qua tuyết nhẹ đã rơi. Lão ngồi lên, dụi mắt nhìn ra bờ sông. Chỉ qua một đêm, Paris đã chuyển thành màu trắng. Đó là một cảnh tượng thật đẹp cho những ai đứng trong phòng ấm mà nhìn qua cửa sổ. Nhưng bọn trẻ lúc này đang làm gì? Hẳn chúng sẽ chơi trong tuyết đến chết cóng mất vì không có người lớn trông chừng.

“Mình sẽ cho họ biết,” lão hậm hực. “Mình sẽ quay lại liền bây giờ để nói cho ra nhẽ. Để xem có dám đuổi mình đi nữa không.”

Thế là lão hấp tấp đẩy cái xe nôl quay lại, bánh xe hằn những vết đen ướt trên mặt tuyết. Chẳng có ma nào ở chỗ mấy cái tàu chữa cháy. Nhưng khi lão đến gần gầm cầu cũ thì có hai bà mặc áo lông đang đi dưới ke. Lão Armand hốt hoảng nhận thấy vết chân họ dẫn đến cái lều dựng sát tường. Lão cố bước thật nhanh. Lúc hai bà kia đi ngang, cả hai cùng ngoái sang nhìn lão.

“Một sinh linh khốn khổ đáng thương!” bà mặc áo lông đen phán một câu.

“Hẳn chúng ta có thể cứu giúp được ông ta đấy,” bà mặc áo lông nâu tiếp lời.

“Thôi thôi, đi mà cho bồ câu ăn thì có ấy,” lão Armand giễu.

Vết chân to bè của lão xóa hết dấu chân của họ trên mặt tuyết đang tan. Lão vén tấm bạt. Bọn nhóc đang khóc rưng rức.

“Có chuyện gì thế?” lão hỏi. “Vẫn còn khóc vì ta bỏ đi cơ à? Chúng bay phải biết là ta sẽ quay lại chứ.”

Suzy kéo Evelyne lại gần. “Có hai bà đến đây nói chuyện với chúng cháu,” nó khóc rấm rức. “Họ bảo đi kêu người đến.”

“Họ định đem chúng cháu bỏ vào đâu đó,” Paul quệt nước mắt nói.

“Họ còn bảo sẽ nhốt mẹ vào tù,” Suzy nức nở. “Ôi, ông Armand, ông cứu chúng cháu với. Xin ông đừng giận mẹ chúng cháu.”

Lão Armand vò vò cái mũ bê rê trên mái đầu bạc. Bây giờ thì nồi súp đã bị hắt vào bếp lửa rồi. Lão biết mấy kẻ kiêu hai bà mặc áo lông thú đó lắm chứ. Cứ nhăm nhăm cố bắt cánh lang thang phải làm việc hoặc rửa mặt rửa mũi hoặc đọc sách cơ. Giờ lại còn đi nhặt cả trẻ con nữa. Cứ phải dẹp bằng hết cái nạn bụi đời mới được cơ. Đây thực ra không phải là việc của lão, nhưng Mireli nói đúng. Cái đám lít nhít này... Lão sụp cái mũ bê rê xuống thật chặt. Đúng quá rồi. Mireli!

“Mấy đứa mau chất hết đồ đạc lên xe,” lão ra lệnh. “Phải chuồn khỏi đây cho nhanh. Mấy mụ kia một khi đã quyết cứu giúp những kẻ khốn cùng thì không chịu thua dễ dàng đâu.”

Rồi lão giúp bọn trẻ một tay thu dọn xoong chảo và gấp chăn mền. Lão hạ tấm bạt và trùm nó lên xe.

“Nhưng mình đi đâu bây giờ?” Suzy hỏi.

“Mẹ không biết mình ở đâu,” Paul kêu lên. “Mình không thể bỏ mẹ lại được. Mẹ là phần chính của gia đình mình mà.”

“Ta sẽ quay trở lại cho bà ấy biết mấy đứa ở đâu,” lão Armand nói. “Ta đã tìm được tổ cho chúng bay rồi.”

Lão giúp bọn trẻ kéo chiếc xe đẩy lên các bậc cấp. Rồi vì chân Evelyne bị cồng nên lão đặt nó ngồi lên trốc đồng hồ của mình trên chiếc xe nôi. Lão đẩy xe qua mấy cây cầu xuống phố. Suzy và Paul đẩy chiếc xe đẩy theo sau.

“Em mà lớn,” Paul nói, “thì mấy bà đó đừng hòng hống hách như thế.”

“Mình đi đâu hả ông?” Suzy hỏi khi đã ra đến phố Rue de Rivoli. “Đến cầu cứu Cha Giáng sinh ạ?”

Lão Armand ngoái lại. “Không cần phải nhờ đến Cha Giáng sinh,” lão nói. “Đã có ta ở đây. Với lại ông ấy cũng đang bận lắm. Còn bốn ngày nữa là đến Giáng sinh rồi.”

“Ông sẽ báo ông ấy là chúng cháu chuyển đi chứ ạ?” Suzy lo lắng hỏi. “Nhờ đâu ông ấy tìm được cách đem ngôi nhà đến cho chúng cháu thì sao?”

“Khỏi lo đi,” lão Armand nói. “Cứ để ta.”

Đáng lẽ dẫn chúng đi xuôi theo phố Rue de Rivoli thì lão lại chờ xe cộ dừng và ra hiệu cho bọn trẻ đẩy xe bám sát mình. Cả bầu đoàn lú lú băng qua

đường, vừa sang đến nơi thì một chiếc taxi đã kịp té nước bắn lên người mấy ông cháu. Nhưng họ vẫn đi, sát bên nhau.

Trước mặt họ lù lù hiện ra một nhà kho khổng lồ. Nó to bằng cả một nhà ga xe lửa, cũng đen cũng ồn ào như thế.

“Đây là Halles,” lão Armand bảo bọn trẻ. “Đây là chợ lớn trung tâm, nơi cung cấp toàn bộ đồ ăn cho Paris.”

Bọn trẻ rảo hăn chân khi nghe thấy hai tiếng “đồ ăn”.

“Cháu đói,” Paul nói.

“Ở Halles thì khỏi lo đói đi,” lão lang thang nói. “Ở đây mọi thứ đều bán si. Nhưng một tay như ta thì đôi khi cũng xoay xở được ít đồ ăn. Ta sẽ thử xem sao.”

Bọn trẻ trông thấy cả mấy con phố ken đầy những gian kho đen xì. Giờ thì chúng phải đi đứng thật cẩn thận. Vía hè ngổn ngang những thùng những sọt. Còn lòng đường phủ đầy giấy rách màu đỏ, màu trắng, màu xanh.

Bọn trẻ vấp lia lịa vì cứ mãi tròn mắt nhìn ngó các thứ. Những thùng trái cây và rau củ làm thành những bức tường quanh chúng. Hàng dây dài hun hút treo đầy trên các móc những súc thịt nào bò, nào cừu, nào heo. Cánh đàn ông qua lại vác những cái sọt to đựng đầy giò heo và đầu bê.

Một ông đang nhắc một cái thùng rất to. Ông này đội một cái mũ kì dị trông chẳng khác nào một nhân vật trong hội hóa trang.

“Ai thế hả ông?” Suzy chỉ ông ta và hỏi. “Sao ông ấy lại đội cái mũ buồn cười thế ạ?”

“Đó là một trong những người mạnh nhất,” lão Armand đáp. “Ông ta hết sức tự hào với cái mũ đó vì đội nó thì người khác biết ngay một lần ông ta vác được cả hơn hai trăm cân.”

“Ông có vác được thế không?” Paul hỏi.

Lão Armand nhún vai. “Ô là la! Chưa biết đâu,” lão nói.

Họ vội vã đi qua những chiếc xe tải đầu đuôi vào vỉa hè và các dãy bàn nơi người mua người bán đang ngã giá.

Lúc ra đến con phố phía sau Halles, lão Armand gặp rất nhiều bạn cũ. Những người đàn ông và đàn bà rách rưới đang nhặt nhanh các thứ rau quả cũ bị vứt ra rãnh nước.

“Chào Charlot.” Lão vẫy tay chào một ông mắt mũi kèm nhèm mặc bộ đồ túm lại với nhau bằng kim băng. “Chào buổi sáng, Marguerite,” lão chào một bà mặc đồ đàn ông. “Có tìm được viên kim cương nào trong thùng rác không thế?”

Rồi lão vấp phải chiếc xe đẩy bằng sắt sáu bánh do một ông đội mũ cao và mặc quần lụng thụng đẩy qua. “Ơ kìa, có phải Louis không,” lão thốt lên. “Đang kiếm tiền để thuê cái hầm chuột chũi ngoài Place Maubert đấy hả?”

Lão Louis cười móm mém. “Tôi có thể kiếm việc cho anh hôm nay đấy, người ta cần thêm người đẩy xe. Lúc nào cũng cần cả.”

Lão Armand đi tiếp. “Thì tôi đang đẩy đây,” lão nói. “Mà anh không thấy tôi cũng có khối đũa đẩy cùng đây à. Chào nhé.”

Bọn trẻ không muốn rời Halles tí nào. Chúng thích sự ồn ào và nhộn nhịp.

“Nhiều đồ ăn thế kia,” Suzy nói, “ông không nghĩ người ta có thể chia cho mình một ít ạ?”

Họ tiếp tục đẩy xe ngang qua nhà thờ St. Eustache rồi vào một con phố lớn ngổn toàn xe đẩy. Cứ như thế cái chợ khổng lồ đã làm chảy tràn ra con phố này những dòng quày cá và thịt dọc hai bên vỉa hè.

Paul dừng lại, nhìn vào cửa sổ một tiệm cà phê có những con chim sặc sỡ của Nam Mỹ nhồi rơm đứng làm dáng trước các bao tải cà phê hạt để mở.

Mặt đường trải nhựa kết thúc khi phố Rue de Montorgueil nối vào phố Rue de Petits Carreaux. Giờ thì họ đi trên những viên sỏi lát đường, nhỏ đến nỗi trông cứ như tranh ghép.

Lão Armand giữ chúng lại khi đến ngang một tòa nhà có ba cái đầu Ai Cập đen trổ ra phía trước. Lão trở vào cái ngõ hẹp vòng vèo.

“Đây là một phần của điện Thần Diệu cổ đấy,” lão nói. “Ở Paris ngày xưa, cánh ăn mày tụ tập hết ở đây, chả ai dám làm gì họ cả.”

Lão dẫn bọn trẻ vào một con ngõ cổ với những cửa hiệu tối tăm.

“Sao người ta lại gọi là điện Thần Diệu hả ông?” Suzy hỏi.

“Bởi vì cái cách đám ăn mày rơm ấy tối tối về đây bỏ nạng bỏ băng ra,” lão Armand giải thích, “bắt đầu mở tiệc vui chơi. Đó chẳng phải giống điều thần diệu sao. Thậm chí họ còn bầu ra vua của mình nữa kia.”

Bọn trẻ thất vọng nhìn thấy lưng của một cái ga-ra to và một vài gian kho nhỏ tối tăm nữa ở nơi vốn là cung điện của đám ăn mày.

“Cháu cá ông sẽ là vua nếu họ còn sống ở đây,” Paul nói.

Lão Armand thở dài. “Ô là la! Những ngày xưa huy hoàng,” lão nói, cứ như chính lão đã từng sống ở đó và bây giờ hồi tưởng lại vậy.

Cả đám rời khỏi điện cùng những ký ức ngang tàng của nó. Họ đi qua lối vào của những nhà trọ đổ nát. Ở mỗi nhà họ vẫn có thể lờ mờ nhận ra vệt cầu thang nghiêng ngả, chỉ rộng vừa đủ một đứa bé chui lọt, uốn quanh lên những gian sảnh tối phía trên hoặc một gian phòng trên tháp ma thuật - biết đâu đấy? Nhìn lên một cửa sổ cao bên kia đường, họ thấy một bà già kỳ lạ đang phơi đồ trên những sợi dây căng ngang cửa sổ. Và đồ bà ta phơi là sáu

chiếc quần màu đỏ cùng sáu đôi găng tay dài màu đỏ, cứ như bà là vợ của Cha Giáng sinh vậy.

Cuối cùng họ ra đến một góc trống được rào lại bằng ván gỗ. Bên trên sừng sững các mảng tường của những tòa nhà đang bị phá dỡ dần từng tầng một. Những bức tường cao lờm chờm còn sót lại giống như những vách núi đá. Trên vài mảng tường người ta còn có thể nhận ra những gian phòng trước đó nhờ các ô giấy dán tường bạc phếch.

Mấy ông cháu nghe thấy tiếng đập phá âm âm bên kia hàng rào chứng tỏ công nhân vẫn đang bận rộn với công việc phá dỡ. Nhưng khi lão Armand dẫn bọn trẻ qua hết khoảng trống thì chúng trở mắt ngạc nhiên.

Khoảnh sân cát đầy những lều tạm. Hai chiếc xe hơi tàng tàng đang đậu lẫn trong đó. Một người đàn ông da sạm màu đang vây quanh một đồng lửa, dùng búa gõ những cái nồi cũ. Những phụ nữ mắt đen mặc váy sặc sỡ bết cát ướt. Lũ trẻ với vẻ mặt cáo hoang nhìn họ chăm chăm. Năm con chó tiến về phía họ sủa râm ran dọa dẫm.

Chưa kịp định thần thì Jojo đã nhảy xổ vào đám chó, tạo nên một đám hỗn loạn di động những lông và tiếng gầm gừ. Thế rồi một bà gypsy cầm gậy chạy đến vụt cho đám chó một trận, không cần biết trúng đâu. Chúng thôi đánh nhau, hực lên vì đau và sợ. Lão Armand tóm lấy Jojo và kéo nó lui lại. Bà gypsy quăng gậy, nói với lũ chó bằng một giọng trầm mướt mà. Chúng rên rĩ một chút rồi hít người Jojo ra chiều thân mật, như thể chúng vừa mới được giới thiệu với nhau đằng hoàng rồi vậy.

“Armand,” bà Mireli kêu lên. “Xin chào mừng ông bạn già. Có vẻ như ông định sống ở đây với bọn tôi ít lâu.” Bà nhìn sang bọn trẻ. Paul và Evelyne sợ sệt nép ra sau lưng lão lang thang. “Chào các nhóc,” bà tiếp. “Các cháu sẽ không thấy đơn độc ở đây đâu. Ta sẽ kiếm cho các cháu thứ gì đó để ăn.” Bà bế Evelyne từ trên xe nô xuống.

“Bọn tôi cũng không đến tay không,” Lão Armand đáp lời. Lão lôi các thứ từ trên xe nôi xuống. Đầu tiên là một mớ cần tây. Tiếp theo là mấy quả táo. Cuối cùng lão trình trọng giơ lên một cái đầu bê.

Lão thấy bọn trẻ nhà Calcet ngạc nhiên nhìn chỗ đồ ăn, cứ như lão là một ảo thuật gia biết lôi các thứ ra từ cái mũ. “Không hiểu làm sao mấy thứ này lại rớt vào xe nôi của ta,” lão bảo chúng. “Nhất là có cả Evelyne ngồi trên nữa mới hay chứ. Chắc ta va vào cái gì ở chợ Halles đây thôi.”

Bọn trẻ gypsy xúm lại quanh bọn trẻ nhà Calcet. Bọn con trai mặc quần dài, chả đứa nào có áo khoác. Mấy đứa con gái nhỏ thì mặc váy lòn lẹt dài sát đất bên trong những chiếc áo choàng rách rưới. Mái tóc dài của chúng xén ngang trước trán, ngay bên trên cặp mắt hạt cườm. Nhưng chúng lại nghĩ rằng bọn trẻ nhà Calcet trông mới kì cục. Chúng chỉ vào mái tóc đỏ của Evelyne. Chúng sờ chiếc áo dài vải thô màu tối của Suzy rồi lại sờ vào mớ giẻ sặc sỡ của mình.

“Quần áo các cậu sao trông buồn thế,” một con bé gypsy nói, “nhưng tóc cậu thì vui.”

Một người đàn ông gypsy buông búa và chào cả bọn cũng nhiệt tình chẳng kém gì Mireli. “Trong trại của chúng tôi không phải một mà cả mười người nữa cũng có chỗ ở,” ông ta nói. “Bác ở cùng Petro nhé, Armand. Cậu ta đang nằm trên giường trong đó. Cậu ta không ưa lạnh, thành ra cứ ngủ suốt mùa đông.”

“Cho bọn con gái ở trong xe với chúng cháu, ông nhé?” một con bé gypsy tầm tuổi Suzy hét lên. Quần áo của nó màu sáng nhất đám, nó còn đeo cả khuyên tai, nhưng đôi giày cao cổ thì kêu lộp độp như đôi bốt vì không có dây buộc.

“Còn cậu có thể ở cùng lều với bọn này,” một thằng bé cao lớn rủ Paul. “Lều của bọn này ở sát vách lò nướng bánh nên vừa ấm lại vừa thơm.”

Con bé gypsy cầm tay Suzy. “Tên tớ là Tinka,” nó nói. “Còn cậu tên gì?”

“Tinka,” Suzy lặp lại. “Tên cậu đẹp thế! Tớ là Suzy Calcet, đây là em trai tớ, Paul, và đây là em gái út của tớ, Evelyne. Bọn tớ không có nhà ở.”

“Để tớ đưa cậu đi xem nhà bọn tớ,” Tinka đề nghị. “Cả Paul và Evelyne nữa.” Con bé dẫn mấy đứa nhà Calcet đi xuyên qua các dãy lều. Ở góc xa là nhà của Tinka. Lũ nhóc tóc đỏ nhà Calcet há hốc mồm khi trông thấy. Đó là một ngôi nhà nhỏ có mái vòm, cửa lớn và cửa sổ màu nâu chạm khắc. Đáng lẽ đứng trên mặt đất đất thì ngôi nhà này lại có những bánh xe.

“Ngôi nhà gypsy trên bánh xe,” Paul thốt lên. “Rồi, đó chính là loại nhà mà em muốn có.”

“Bọn tớ có thể đưa nhà của mình đi đâu tùy thích,” Tinka hãnh diện nói. “Chỉ cần móc nó vào đuôi chiếc xe của chú Nikki là xong.”

Cặp mắt Suzy sáng bừng lên như ánh lửa xanh. Nó nhéo tay Paul. “Con lừa nhỏ của Cha Giáng sinh có thể đem cái nhà trên bánh xe đến cho chúng mình rồi,” nó kêu lên. “Kéo đến là được mà.”

“Phải báo ngay cho ông Armand,” Paul nói. “Để ông còn nói lại cho Cha Giáng sinh biết quyết định của bọn mình.”



CHƯƠNG SÁU

Ước nguyện có một ngôi nhà trên bánh xe của bọn trẻ khiến lão Armand lo lắng. Chà, bây giờ liệu chúng còn nghĩ ra cái gì kiểu đó nữa không chứ?

“Giờ mấy đứa đâu còn cần Cha Giáng sinh đem nhà đến cho nữa,” lão nói. “Tinka sẽ cho mấy đứa ở cùng trong nhà của nó, còn Paul thì đã có cái lều thoải mái rồi còn gì.”

“Nhưng chúng cháu muốn cái nhà của riêng mình cơ,” Suzy nói. “Một cái nhà để cả gia đình cháu cùng ở. Rồi chúng cháu có thể tháo bánh ra để dừng lại nơi nào đó.”

“Không, cứ để bánh đấy chứ,” Paul kêu lên. “Để còn đi tiếp đến những chỗ mới nữa. Em thích sống như người gypsy.”

“Nhưng nếu cứ đi mãi thì làm sao đi học được,” Suzy nhắc.

Paul coi bộ chả thiết tha gì chuyện đó.

Bên trong ngôi nhà có bánh xe cũng đẹp chẳng thua gì bên ngoài. Một cái giường nệm lông lớn chiếm hết phía đằng sau. Những dãy kệ chạy dọc vách và những nôi xoong bằng đồng sáng choang treo phía trên cái bếp lò nhỏ xíu. Suzy có thể thấy cái nhà nhỏ này là nơi gọn gàng ngăn nắp nhất trong cả trại gypsy.

“Đến tối xếp thêm mấy cái giường nệm xuống sàn là tất cả cùng ngủ được ấy mà,” Tinka giải thích. “Tất cả bọn con gái. Nhưng không được bày bừa gì hết vì mẹ phải giữ nhà cửa gọn gàng.”

Cả bọn nán lại ngôi nhà trên bánh xe khá lâu. Tinka ngồi xồm trên sàn kể về những chuyến đi của nó.

“Cứ đến mùa xuân là bọn tớ lại xuống Provence ở Địa Trung Hải,” nó kể. “Bọn tớ hạ trại dọc theo các phế tích La Mã và tắm suối nước nóng. Các cậu đi Provence với bọn tớ không?”

Suzy muốn lắm, nhưng nhất quyết lắc đầu. “Tớ còn phải đi học,” nó nói. “Mà mẹ tớ chắc cũng chẳng đi được. Bọn tớ thì không thể đi nếu thiếu mẹ. Bọn tớ là một gia đình nên bọn tớ phải gắn bó với nhau.”

Tinka hiểu ngay. “Dân gypsy chúng tớ cũng gắn bó với nhau,” nó nói.

Thời gian trôi nhanh quá, đến nỗi lão Armand gần như quên bằng mắt mẹ đám trẻ.

“Mấy đứa cứ ở đây để ta đi đón bà ấy,” lão nói khi thấy trời đã gần tối.

Lão quỳ quả quay trở lại qua những con phố, nơi tuyết đã tan thành nước. Chợ Halles ồn ào và tấp nập hơn bao giờ vì công việc ở đây chủ yếu diễn ra vào ban đêm, khi những chiếc xe tải khổng lồ từ khắp nước Pháp đổ về, mang theo thức ăn cho Paris đang đói ngấu.

Lão Armand ra đến chân cầu thì trời đã tối. Lão gặp chị Calcet vừa đúng lúc. Chị đang đi xuống các bậc cấp.

Thoạt đầu chị chẳng thèm nghe lấy một lời mà cứ vội vã chạy xuống mà không ngoái đầu lại. Đến khi thấy bọn trẻ cùng toàn bộ đồ đạc đã không còn đó nữa thì chị mới chịu nghe. Chị òa lên khóc khi lão Armand kể về hai bà nọ.

“Sao người ta không để mẹ con chúng tôi được yên cơ chứ?” chị than thở. “Tôi chỉ cố giữ cho gia đình mình không bị chia lìa thôi mà.”

“Không sao đâu, cô ơi,” lão Armand vỗ vai chị, nói. “Bọn trẻ đang yên ổn ở chỗ bạn tôi rồi. Cả cô cũng được chào đón ở đó. Đáng lẽ tôi phải nghĩ ra từ lâu rồi mới phải. Ở đó tốt hơn dưới gầm cầu nhiều.”

Chị Calcet thối khóc và theo lão quay lại chợ Halles.

“Tôi muốn xin ông thứ lỗi cho,” chị nói khẽ khàng. “Ông thật là một người tốt.”

Lão Armand bối rối. “Cô cứ gặp các bạn tôi đã,” lão nói. Lão biết chắc khi thấy họ rồi thì chị sẽ chẳng cảm ơn nữa đâu.

Suốt dọc đường qua các phố tranh tối tranh sáng, chị Calcet theo sau lão Armand cách mấy bước. Lão biết chị xấu hổ khi bị bắt gặp đi cùng một lão lang thang. Nhưng lão cũng không lấy làm điều. Lão đã dẹp bỏ lòng kiêu hãnh từ lâu lắm rồi.

Công việc ở chợ Halles đã sôi đến đỉnh điểm khi lão qua đây lần thứ ba. Giờ chị Calcet phải đi gần lão hơn để khỏi lạc. Họ bị những thùng, những sọt xô đẩy lia chia, thậm chí một lần chị còn suýt bị xe tải chẹt phải. Thật là nhẹ nhõm khi trở lại các ngõ tối.

Khi lão Armand dẫn người phụ nữ chui qua hàng rào gỗ thì phản ứng của chị đúng y như lão đã đoán. Mắt chị tròn xoe trước cảnh tượng nhìn thấy.

Những người gypsy da nâu đang tụ tập quanh đồng lửa trại. Vách tường các tòa nhà dựng lên phía sau khiến quang cảnh trông như một trại gypsy lẻ loi dưới chân một ngọn núi Tây Ban Nha thay vì ở ngay giữa lòng Paris đông đúc.

Một trong mấy người đàn ông đang chơi guitar và một cô gái đang nhảy múa. Phía sau đó, Tinka cũng đang nhảy nhót theo, cố học cho thuộc các bước. Và ánh lửa trại hắt lên ba đứa trẻ tóc đỏ đang vỗ tay theo nhịp nhạc.

“Người gypsy!” chị Calcet thét lên. “Ông mang chúng tôi đến chỗ người gypsy!” Đoạn, hổ thẹn và tuyệt vọng, chị che khăn tay khóc tức tưởi.

“Cô ơi,” lão Armand lên tiếng, “cô khóc ghê thế không khéo lại mưa mất.”

“Nghĩ cảnh bọn tôi sa sút đến nước này,” chị than thở, “Các con tôi phải đến ở đậu chỗ người gypsy.”

“Người gypsy thì đã sao?” lão Armand hỏi. “Sao cô lại nghĩ mình hơn họ nhỉ? Cô tử tế hơn à? Hay cô độ lượng hơn?”

“Tôi trung thực,” chị lẩm bẩm qua tấm khăn.

“Trung thực thì có gì hay khi không tử tế và độ lượng cơ chứ?” lão hỏi. Đoạn lão dịu giọng, nói tiếp. “Có thể cô nghĩ họ là quân trộm cắp và du thủ du thực, thừa cô, nhưng họ cũng làm việc đấy. Họ hãnh diện là những thợ chế tác kim loại giỏi và quả thật là thế. Họ là những nghệ nhân đấy. Liệu cô có vá được cái nồi bị cháy gần hết đáy không?”

“Họ là quân trộm cắp,” chị Calcet vẫn khẳng khái.

“Họ không có ý hại ai,” lão lang thang nói. “Họ không nghĩ ăn cắp là có tội. Mà cô cũng hay nói về chuyện gia đình phải gắn bó với nhau. Vậy thì tất cả chúng ta đây là một gia đình nghèo khó của Chúa, phải đùm bọc lấy nhau mới phải chứ.”

Chị Calcet lau nước mắt. “Tôi chẳng còn nơi nào để đưa các con đi cả,” chị thừa nhận. “Căn phòng mà chị dâu tôi nói đến, tôi không đủ tiền thuê. Đáng lẽ tôi phải biết ơn vì có chỗ mà ra vào mới đúng.”

Những người gypsy vui vẻ tiếp đón chị, thậm chí Mireli còn đề nghị xem bói cho nhưng chị từ chối. Tinka mang đến cho chị một bát hầm để ăn bên đồng lửa. “Đây là bồ câu hầm ngon lắm,” nó giới thiệu. “Chú Nikki của cháu bắt được chúng ngoài quảng trường đấy. Chú ấy nhanh tay cực.”

Chị Calcet nhìn bát hầm với cảm giác ghê ghê, nhưng rồi cái đói đã thắng. “Đúng là ngon thật,” chị khen sau khi nếm thử một muỗng.

Ba đứa nhóc quây quần quanh váy mẹ.

“Ở đây thích hơn dưới chân cầu nhiều, mẹ ạ,” Paul nói.

“Mà mẹ phải xem ngôi nhà nhỏ trên bánh xe để thương lắm,” Suzy gào lên. “Ông Armand sẽ bảo Cha Giáng sinh đem đến cho mình một cái đấy ạ.”

“Cô có thể nghỉ trong đó,” bà Mireli ân cần bảo chị. “Có một cái giường mềm ở phía sau cho cô và mấy đứa con gái.”

“Các bác thật tốt bụng quá,” chị Calcet nói. “Nhưng tôi muốn được trả các bác tiền trọ.”

“Chúng tôi không lấy tiền của bạn bè,” bà Mireli đồng ý nói. “Chỉ lấy của người lạ thôi.” Nói đoạn bà biến mất sau một cái lều.

Suzy phát hiện ra nằm nệm trên sàn với lũ trẻ gypsy thích hơn nhiều.

Sáng sớm hôm sau, chị Calcet lại đi làm. Sau đó một chút, cánh đàn ông gypsy cũng rời lều đến các quán ăn tìm thêm xoong nồi để sửa.

“Tớ đoán các cậu đang nghỉ học nhân dịp Giáng sinh,” Suzy bảo Tinka vì thấy lũ trẻ vẫn chơi trong sân.

“Bọn tớ lúc nào chả nghỉ,” Tinka nói. “Bọn tớ có đi học đâu.”

Suzy ngó cả người. “Thế thì các cậu học đọc học viết thế nào?”

“Bọn tớ có biết đọc biết viết gì đâu,” Tinka đáp.

Suzy càng sốc hơn. “Vậy để tớ dạy cho,” nó nói. “Mình sẽ học luôn sáng nay.”

Con bé lấy mẫu than mòn vẹt của mình ra. Tường trống để làm bảng thì tha hồ nhiều. Nó nắn nót viết từng chữ trong bảng chữ cái, vừa viết vừa đọc.

Lão Armand nằm dài trên đất với một khúc củi gối đầu. Lão theo dõi cô giáo bé nhỏ với chút khôi hài. “Cháu có phải là đứa viết lên tường lên cột bảo

người ta về nhà không đấy?”

Suzy im lặng lắc đầu. Nó đưa mẫu than cho Tinka. “Bây giờ cậu viết lại đi,” nó bảo.



Tinka nhoẻn miệng cười tinh nghịch. Nhoảng một cái, nó vẽ hai vòng tròn lồng vào nhau bên dưới hàng chữ của Suzy.

Suzy nghiêm mặt. “Đó không phải là chữ. Nó chả có nghĩa gì cả.”

“Ê, có đấy,” Tinka cười cười, nói. “Nếu cậu nhìn thấy kí hiệu này ở gần cửa thì nghĩa là người trong nhà ấy tốt bụng và hào phóng.” Nó lại quẹt một đường chĩa thẳng lên rồi thêm hai đường ngăn cắt ngang. “Nhưng kí hiệu này thì cho biết xin ở đây sẽ bị đối xử tệ lắm. Không khéo người ta còn suýt chó ra đuổi nữa ấy chứ.”

Lão Armand bưng tỉnh. “Phải ghi nhớ mới được,” lão nói. “Có vẻ ta học lộn trường mất rồi. Những thứ có ích như thế này thì lại không được học.”

Tinka bật cười. Nó ranh mãnh nháy mắt với Suzy. “Thấy chưa,” nó nói, “có những chữ viết mà cậu không đọc được đấy.”

Suzy cũng ham học chẳng kém gì ham dạy. “Tớ thích học những gì mới mẻ,” nó bảo Tinka. “Dạy tớ thêm mấy chữ gypsy nữa đi.”

Lão Armand nặng nhọc đứng dậy. “Với ta cái này có vẻ hơi cao siêu quá rồi,” lão nói. “Chắc ta phải đi lòng vòng ra phố chút xíu.”

Lần này bọn nhóc không còn đeo theo lão nữa. Chúng đã không còn cô đơn và buồn chán nữa rồi. Tuy vậy Paul và bọn con trai chẳng mấy chốc đã không còn hứng thú với chuyện dạy học của Suzy nên chuyển sang chơi trốn tìm giữa các lều.

Nhưng Suzy có một yêu cầu. “Ông làm ơn đến đăng Louvre được không ạ, ông Armand,” nó nói. “Nhờ ông báo cho Cha Giáng sinh biết chỗ đem cái nhà đến cho bọn cháu được không ạ? Và chỉ cần cái nhà nho nhỏ có bánh xe như của Tinka là chúng cháu sướng lắm rồi, được không ạ?”

Lão Armand gật đầu. “Được rồi,” lão chợt nhớ ra. “Chả còn bao nhiêu thời gian nữa đâu. Tối mai đã là Giáng sinh rồi đấy.”

CHƯƠNG BẢY

Cái ngày trước Giáng sinh, bọn nhóc nhà Calcet chả nói chuyện gì khác ngoài ngôi nhà có bánh xe mà chúng đang chờ Cha Giáng sinh mang đến cho. Thậm chí cả đám trẻ gypsy cũng náo nức không kém.

“Thế thì chắc chắn sang xuân các cậu sẽ đi Provence với bọn tớ rồi,” Tinka ra sức rủ rê. “Xe của chú Petro sẽ kéo nhà các cậu. Cả bọn sẽ hành hương thăm điện thờ thánh Sara.”

“Thánh Sara là ai cơ?” Suzy hỏi. “Tớ chưa nghe thấy bao giờ.”

Tinka lấy làm lạ. “Nếu cậu đi học thì tớ tưởng cậu phải biết nhiều hơn chứ,” nó nói. “Chẳng nhẽ cậu không biết rằng sau khi Đức Chúa Jesus lên thập giá thì thánh Mary Jacobe và thánh Mary Salome bị kẻ thù của Ngài bắt thả lên chiếc thuyền không có bánh lái lẫn buồm hay sao? Thánh Sara tất nhiên cũng ở bên họ vì ngài là hầu gái của họ mà. Gió thổi thuyền của họ đến bờ biển Provence. Bởi thế bây giờ ở đó mới có một nhà thờ và tượng thánh Sara được đặt trong hầm mộ. Hàng năm cứ đến tháng Năm là người gypsy lại hành hương đến đấy vì thánh Sara là người gypsy mà.”

“Em muốn đến thăm thánh Sara,” con bé Evelyne nói.

“Em muốn ra chơi biển Địa Trung Hải,” Paul tiếp lời.

“Chị cũng muốn đến tất cả những chỗ đó,” Suzy buồn rầu nói. “Nhưng mình phải học xong cái đã.”

“Không có nhà thì mình cũng có đi học được đâu,” Paul nhắc. “Mẹ nói gì chị không nhớ à?”

“Nhưng vào đầu học kì mình đã có nhà rồi còn gì,” Suzy nói. “Đêm nay Cha Giáng sinh sẽ đưa nhà đến.”

Lão Armand than thầm. Ước gì lão làm cho bọn trẻ quên được vụ cái nhà này đi.

“Có đứa nào thích đi dự tiệc Giáng sinh đêm nay không?” lão hỏi. “Một bữa tiệc lớn đầy đồ ăn, có cả hàng trăm người và cả múa hát nữa?”

Đúng như lão tính trước, bọn nhóc nhà Calcet quên ngay chuyện cái nhà trên bánh xe.

“Ở đâu ạ?” Paul hỏi. “Trong một cung điện lớn chứ ạ?”

“Không hẳn thế,” lão Armand đáp. “Nó sẽ diễn ra ở dưới cầu Tournelle.”
Thằng Paul xịu mặt. “Nhưng ta xin đảm bảo là tiệc to,” lão Armand nói tiếp. “Tiệc do người bên nhà thờ Đức Bà đứng ra tổ chức vào đêm Giáng sinh hàng năm cho những kẻ lang thang cơ nhỡ của Paris, cùng với các quý bà của họ. Người ta sẽ hát thánh ca và ăn dưa bắp cải với xúc xích xông khói.”

Mặt thằng Paul lại tươi ngay. “Cháu thích ăn lắm,” nó nói, “cháu thích nhất là dưa bắp cải với xúc xích hun khói.”

“Không đâu, chưa chắc mẹ đã cho bọn mình đi,” Suzy nói.

“Cả bà ấy đi cũng được,” lão Armand nói. “Dù gì thì cũng là tiệc cho những người không nhà cửa cơ mà, cho nên mẹ mấy đứa còn là thượng khách nữa ấy chứ.”

“Cả người gypsy cũng đi được chứ ạ?” Suzy hỏi. “Cháu muốn rủ cả Tinka đi cùng.”

Nhưng bọn trẻ gypsy nói bên họ đã có kế hoạch đêm Giáng sinh cho mình rồi. Tinka chỉ cười và làm ra vẻ bí mật khi được hỏi về nó.

Cũng lạ là chị Calcet lại đồng ý đến lễ hội dưới chân cầu. “Năm nay tôi chỉ làm được có thể cho bọn trẻ thôi,” chị nói. “Mà bọn trẻ lại cứ một hai là Cha

Giáng sinh sẽ mang cho chúng một cái nhà lưu động như của người gypsy. Có lẽ bữa tiệc sẽ làm chúng quên cái ý nghĩ điên rồ ấy đi.”

Tuy cánh gypsy không đi dự tiệc nhưng Nikki vẫn đề nghị chờ họ đến đó trên chiếc xe cà khố của mình.

“Tôi có chút việc bên mạn vườn bách thảo nên đăng nào cũng phải dùng đến xe mà,” anh giải thích.

Bọn trẻ nhà Calcet sướng quá. Chúng chưa bao giờ được đi xe hơi cả nên cứ bám rõ chặt ghế ngồi. Jojo thì ngồi ngay ngắn như thể đã thạo lắm rồi.

Nikki chạy xe trên những con phố nhỏ, vừa chạy vừa quát tháo người đi đường hoặc xe cộ làm vướng lối. Xe của anh thì phì phò, lắc lư chao đảo tưởng chừng sắp rã ra đến nơi. Thế mà chẳng sao cả.

Đó là một đêm trời quang, lạnh lẽo và tất cả những tượng đài đều được chiếu đèn. Đèn đường ném những dải sáng vắt qua sông Seine. Chiếc xe cũ kĩ cà rịch cà tang bò qua cầu Tournelle rồi tấp vào lề đường. Bọn trẻ nhà Calcet nhảy vội xuống. Lão Armand khó nhọc trèo xuống. Jojo thì chỉ cần nhảy phóc một cái thôi.

Từ trên bậc cấp họ có thể nhìn xuống buổi tiệc, như lão Armand đã dự báo, đúng là đông nghịt. Một cái lều bạt lớn được dựng trên bờ sông - cái lều hẳn sẽ làm những người gypsy phát thèm. Trai gái trong giáo xứ bưng từ lều ra những cái xoong đồ ăn nghi ngút khói. Hương thơm ấm áp của dưa bắp cải trùm lên tất cả. Đó là thứ làm thẳng Paul khoái tử tê.

“Phải xuống nhanh kéo người ta ăn hết mất,” nó giục.

Nhưng cặp mắt Suzy lại đang mãi nhóng sang bên kia sông đến cù lao Cite, nơi nhà thờ Đức Bà hiển hiện như một giấc mơ thánh thiện. Những hàng cột và những chóp nhọn cao mảnh của nhà thờ đắm trong ánh đèn.

“Đẹp quá thôi!” Suzy thở dài. “Trông cứ như được làm trong tiệm bánh ấy nhỉ?”

Còn chị Calcet lại đang ngoái nhìn một nhà hàng sang trọng phía trên cây cầu, một tổ ong nhân tạo sáng rực rỡ ánh đèn.

“Những người giàu có ăn mặc đẹp dễ ngồi trên đó, bên những chiếc bàn trắng toát,” chị ghen tị thốt lên.

“Và phải xì ra khối tiền cho món ăn đắt giá làm họ bị khó tiêu,” lão Armand để theo. “Nào! Món dưa bắp cải này đối với ta cũng đủ thơm như tiệc rồi.”

Xuống tới bậc cuối rồi họ mới thấy ở gầm cầu còn đông hơn cả ngoài bờ sông. Bạt được căng ở phía cuối để ngăn gió lùa, trên đó dính những dải băng đủ màu sắc. Một cây thông trang hoàng rực rỡ đặt trên một bệ cao làm bằng ván gỗ. Những lò sưởi than củi đặt xung quanh để sưởi ấm không gian và rất đông khách khứa rách rưới đang xúm quanh đó. Số khác ngồi trên vệ đường ăn ngấu nghiến từ những chiếc bát bằng thiếc. Một bà lang thang ngồi dựa vào thành cầu nói chuyện thời cuộc, chuyện thùng rác và bệnh cước. Nhưng phần lớn dân vô gia cư chỉ đứng vậy chờ một điều gì đó xảy ra.

Lão Armand ngăn một cô gái bưng mấy cái bát thiếc. “Đây mà!” lão nói. “Đã bảo chúng tôi chờ ở đây cơ mà.”

Lão dọn chỗ cho mẹ con nhà Calcet ngồi dọc vệ đường, nhưng chị Calcet vẫn cứ đứng.

“Để tôi giúp cô bưng đồ ăn,” chị đề nghị. “Thực ra tôi không phải ăn xin.”

Ngoài dưa bắp cải và xúc xích hun khói còn có súp, thịt heo, phô mai và cam. Lão Armand cứ chén đến no căng. Rồi họ chọn những miếng ngon cho Jojo. “Phải ăn dự trữ cho cả Giáng sinh sau, giống như lạc đà ấy,” lão Armand bảo bọn trẻ.

Chúng thì khỏi cần phải giục. Nhưng Suzy lại cứ hỏi mãi. “Khi nào mình về ạ?”

“Bay không thích bữa tiệc sao?” lão Armand hỏi. “Xem kìa! Ông trên sân khấu kia sắp chơi accordion cho tất cả cùng hát thánh ca đấy. Bay không muốn bỏ về bây giờ đó chứ?”

“Không phải ạ,” Suzy nói. “Chẳng qua là cháu sốt ruột muốn xem Cha Giáng sinh đem cái nhà gypsy đến quá.”

Lão Armand ngừng nhai miếng xúc xích đang ăn dở. Lại thế rồi. Bây giờ mà về lại đó thì bọn nhóc chỉ có mà thất vọng muốn chết. Lão không chịu nổi cái ý nghĩ phá hỏng buổi tối tuyệt vời với đồ ăn miễn phí và chơi vui thế này. Lão hạ giọng.

“Nghe này,” lão bảo bọn trẻ. “Cha Giáng sinh bắt ta phải hứa không được tiết lộ, có điều sẽ không có nhà trên bánh xe nào cho mấy đứa đâu. Năm nay bọn nhóc gypsy nhiều đứa xin nhà quá nên hết sạch cả rồi.”

“Không còn cái nào cho chúng cháu sao ạ?” Suzy hỏi bằng thanh âm run rẩy. Ánh lửa bập bùng từ lò than khiến những giọt nước mắt trên mi nó lấp lánh như kim cương. “Ý ông là ông ấy sẽ không cho một cái nhà nào cả ạ?”

“Ta không nói thế,” lão Armand chống chế. “Ồ, ta nhẽ ra cũng không được nói, nhưng thật ra là ông ấy đang xây cho mấy đứa một cái nhà bên mạn Neuilly cơ. Khổ nỗi nó chưa xong. Chỉ có mấy ngày nghỉ Giáng sinh làm sao mà xây cho xong được, đúng không nào? Phải từ từ. Thậm chí người ta còn chưa bắc xong đường ống nước nữa kia.”

Mắt Suzy lại lóe sáng hơn cả kim cương. “Một ngôi nhà thật hả ông?” nó hỏi lạc cả giọng. “Nhà cất trên mặt đất á?”

Lão Armand gật đầu. “Nhưng không được nói cho mẹ biết,” lão dặn. “Nhớ đấy. Đáng lẽ ta cũng không được phép nói cho mấy đứa biết đâu. Ta đã hứa

chắc với Cha Giáng sinh là sẽ giữ bí mật rồi.”

Nhưng bọn nhóc còn đang quá bận bịu chả có lúc nào mà kể với mẹ. Mẹ chúng cũng quá bận bịu vì có thêm nhiều người vô gia cư hơn dự kiến kéo đến dự tiệc. Nhưng phân phát dưa bắp cải và xúc xích thì dễ thôi.

Sau đó dân bụi đời và vợ con, bạn bè cùng hát những bài Giáng sinh theo tiếng đàn accordion. Giọng của họ hầu hết khàn đặc và lạc hẳn điệu, nhưng với họ thì nghe vẫn thật du dương.

Đến nửa đêm thì lão Armand sửa soạn về. Lão ôm cái hộp cạc tông to tướng được tặng trong lễ như món quà Giáng sinh. Lão biết trong đó đầy những mít, trái cây và thuốc lá. Đó sẽ là món quà Giáng sinh của lão cho các bạn gypsy.

Nhưng chị Calcet thì không nghĩ đến chuyện về ngay. “Mình phải qua bên đám lễ mi-sa nửa đêm ở bờ sông đã,” chị nói. “Có một cô nói với tôi thế.”

Một bàn thờ được đặt ở bờ Tournelle ngay giữa trời. Vị linh mục trong chiếc áo lễ màu sáng, cùng các chú phụ lễ theo sau, đang bước đến bàn thờ đúng vào lúc lão Armand và mẹ con nhà Calcet tới nơi. Nhiều người vô gia cư cũng ở lại xem lễ.

Evelyne ngủ vùi trên tay mẹ. Jojo yên lặng và nghiêm trang, mặc dù đây là lần đầu nó đi lễ nhà thờ.

Lão Armand bứt rứt lắc lư đôi chân liên tục. Đã lâu lão không đi lễ. May mà lễ này lại ở ngay ngoài bờ sông. Chứ những nhà thờ đẹp đẽ ngời ngời thì đổ mà lôi được lão vào.

Còn một điều nữa khiến lão bụi đời bứt rứt. Cảnh ngộ của cái gia đình này. Chả hiểu làm sao lão lại mắc cứng với họ thế nhỉ? Điều gì đã xua lão chui vào cái bẫy này chứ? Đó là cái cách lũ sáo đá kia nài nỉ lão ở lại với chúng. Chúng lấy trộm mất trái tim của lão như thế đó. Xưa nay chưa từng có ai

khiến lão cảm thấy họ cần mình. Còn bây giờ thì lão lại nói dối họ. Chẳng có cái nhà nào đang xây cả - không phải cho họ.

Trong nỗi khổ tâm, lão ngược mắt nhìn lên phía trên bàn thờ - lên những vì sao trên bầu trời Paris. “Lạy Chúa,” lão mấp máy môi không thành tiếng, “con không còn nhớ phải cầu nguyện thế nào. Giờ đây con chỉ biết van xin. Vậy nên con van xin Người hãy tìm cho gia đình này một mái ấm.”

Đến đó thì lão chợt xấu hổ nhận ra mình đang chìa cái mũ bê rê theo cách vẫn xin ăn hàng ngày. Lão vội chụp nó lên đầu.

Khi cả nhóm về đến trại lúc rạng sáng thì thấy người gypsy đều đã dậy hết, kể cả Petro. Chẳng mấy chốc họ đã hiểu vì sao.

“Nhìn này!” Tinka vui vẻ kêu lên. Nó chỉ vào một cây thường xanh đẹp đẽ trước ngôi nhà gypsy. “Chúc mừng Giáng sinh!” nó reo lên.

Cái cây có màu xanh nõn khác thường với những cái gai mềm tựa lông. Trên những cành duyên dáng buộc những gói quà nhỏ nhỏ bọc giấy màu đỏ, trắng và lam dường như được nhặt ở gần chợ Halles. Trên đỉnh ngọn cây treo một ngôi sao bằng đồng giống như miếng vá mà người gypsy dùng để vá xoong nồi.

“Tôi dám cá đây là cái cây tươi nhất, xinh nhất Paris,” Nikki kiêu hãnh nói. “Tôi chặt ở vườn bách thảo mới vài giờ trước thôi. Mà cái biển treo ở đó nói rằng đây là loài cây rất quý hiếm ở mãi bên Ấn Độ cơ đấy.”

Bọn trẻ gypsy gỡ những gói nhỏ trên cây xuống và đưa cho bọn trẻ nhà Calcet. Bên trong là hạt dẻ, kẹo cùng những món đồ chơi bằng nhựa.

“Bọn tớ thích tặng quà,” Tinka giải thích. “Có lẽ là vì một trong các nhà thông thái mang quà đến cho Chúa Hải Đồng là người gypsy.”

“Tớ chưa từng nghe chuyện đó,” Suzy nói.

Tinka thất vọng nhìn cô bạn. “Thế thì cậu học được những gì ở trường ngoài mấy cái chữ kia?” nó hỏi.

Nhưng Suzy chưa kịp trả lời thì lão Armand đã tặng cái hộp cạc tông của mình cho người gypsy. Lão còn bảo đó là quà của cả mẹ con nhà Calcet nữa. Nhưng ngạc nhiên lớn nhất lại là dành cho chính lão. Chị Calcet lấy ra một gói nhỏ bọc kĩ bằng giấy báo. Một mùi hương thơm ngát bao quanh gói quà. Lão mở ra và thấy đó là một thỏi xà bông màu hồng láng bóng. Lão cứ trân trối nhìn nó. Rồi trầm ngâm hít ngửi một hơi.

“Đúng là thứ tôi cần,” lão lịch sự cảm ơn chị Calcet.

CHƯƠNG TÁM

Lão Armand nhận thấy mình vui thích với cảnh sum vầy trong trại gypsy. Lão thích ngồi dựa hàng rào xem Suzy dạy học cho bọn trẻ gypsy còn Paul thì chơi đùa với đám con trai.

Tuy vậy, Suzy có phần không bằng lòng. Nó thường cau mày khi thấy Paul chơi với bọn con trai. Cuối cùng nó đem nỗi lo trong lòng ra thổ lộ với lão lang thang.

“Cháu lo cho thằng em cháu quá ông ạ,” nó tâm sự như người lớn. “Nó hành động như thế không còn là người gia đình này nữa hay sao ấy. Nó suốt ngày cặp kè chơi với người gypsy, chả mấy khi gần gũi Evelyne với cháu. Chúng cháu mới là gia đình của nó cơ mà.”

Lão Armand cũng nhận thấy thế, tuy nhiên lão vẫn cố trấn an Suzy. “Paul là con trai,” lão nói, “thành ra tự nhiên là nó không muốn suốt ngày quanh quẩn bên đám con gái thôi. Bay không muốn mặc váy cho nó đẩy chứ, hả?”

Nhưng Suzy giận dữ chỉ ra sân. “Đấy!” con bé tấm tức. “Cả đứng nó cũng đứng giống người gypsy.” Lúc này Paul đang vật vờ đứng chân co chân duỗi trông như con cò con.

“Người ta có nhiều kiểu nghỉ ngơi khác nhau chứ,” lão Armand xuê xoa. “Ta đây này, ta thì nằm. Cách này là nhất bảng.”

Bản thân thằng Paul lại còn đổ dầu vào lửa. “Ước gì cháu là gypsy,” một hôm nó nói. “Cháu thích kiểu sống của họ lắm. Ước gì cháu được đi theo họ vào mùa xuân.”

Lão Armand cố lý lẽ với nó. “Nếu Chúa muốn bay là gypsy thì Người đã tạo ra bay là gypsy rồi,” lão nói. “Nhưng Người không muốn ai cũng lang thang khắp nơi và sống trong lều bạt đâu. Bay không muốn lớn lên ngồi gò nổi

chứ, hả? Nhất là khi bay có con chị giỏi giang như Suzy dạy cho bay đủ thứ.”

Paul cau có di ngón chân trên mặt cát. Lão Armand mỉm cười nhận thấy mũi đôi giày sần rách của nó đã được bịt đồng sáng loáng. Thằng Paul nhìn theo ánh mắt lão và cũng cười. “Bọn con trai bày cho cháu vá giày đấy,” nó giải thích, đoạn chạy biến ra chơi với mấy thằng bạn.

“Ông thấy chưa,” Suzy nói. “Nó còn học gò đồng rồi đấy.”

Lão Armand cố nghĩ ra gì đó để nói với con bé nhưng chỉ biết há mồm cứng họng.

Rồi một ông cảnh sát vào sân. Đó là một viên cảnh sát nghiêm nghị mặc áo khoác dày và cả áo choàng không tay. Cái mũ của ông ta kéo sụp xuống tận hàng lông mày rậm rì.

Thằng Paul theo đám con trai gypsy lẫn vào mấy cái lều. Đàn ông phần lớn đã ra ngoài, còn lại ai thì cũng trốn nhanh chả kém gì bọn trẻ con. Thậm chí lũ chó, có cả Jojo trong đó, cũng cụp đuôi chui xuống gầm chiếc xe còn nằm lại trên sân.

Bà Mireli từ bậc thang ngôi nhà lều bước ra đón ông cảnh sát. “Ông xem tương lai, thưa ông?” bà hỏi bằng giọng dịu dàng nhất. “Để tôi coi tương lai cho ông nào. Hình như ông sắp lên lon thì phải.”

Ông cảnh sát chẳng thèm nghe bà. “Có ai là Nikki ở đây không?” ông ta cộc cằn hỏi.

“Không có,” bà Mireli đáp liền lập tức. “Cậu ta đi rồi.”

“Đi đâu?” ông cảnh sát hỏi.

Bà Mireli nhún vai. “Cậu ấy đi khỏi thành phố rồi.”

“Bao giờ về?” ông ta gặng hỏi. “Mai hả?”

“Ai mà biết?” bà Mireli lấp lửng. “Hôm nay thì biết hôm nay, chứ mai thì đến hết năm cũng chưa biết chừng.”

Ông cảnh sát quay gót nện bước bỏ đi.

Lập tức những khuôn mặt gypsy hiện ra từ mỗi cửa lều. Lũ chó rón rén chui khỏi gầm xe. Cánh đàn bà thì xúm lại quanh bà Mireli. Cánh đàn ông và trẻ con cũng nhanh chóng kéo đến.

“Người ta muốn bắt Nikki,” một ông đoán.

“Hẳn là vì chú ấy chặt cây Giáng sinh,” Paul góp lời.

“Họ định bắt cậu ấy đi lính,” một bà già than thở. “Ta biết ngay mà. Họ bắt thằng Teodoro nhà ta đi lính và nó không còn như xưa nữa. Nó thôi đi đây đi đó mà kiếm nhà ở lại một chỗ luôn rồi.”

Người gypsy ai nấy đều hoang mang. Không ai nói với ai một câu, họ bắt tay vào thu dọn đồ đạc và dỡ lều. Petro căn nhắc khi họ dọn lều của anh, nhưng khi hiểu ra nguyên nhân thì anh lập tức như thể bị nước lạnh dội vào đầu.

“Chừng nào cánh đàn ông từ các tiệm ăn chưa về đủ thì ta chưa thể đi được,” bà Mireli nói. Bà ra đứng ở lối vào mà ngóng ra đường.

Lũ trẻ nhà Calcet quan sát mọi việc với nỗi lo lắng càng lúc càng lớn dần. Chúng chưa bao giờ thấy người gypsy làm việc hăng hái và nhanh đến thế.

“Các cậu sắp đi đấy à?” Suzy gào lên hỏi.

“Hễ có cảnh sát hỏi thăm thì bao giờ bọn tớ cũng ra đi,” Tinka đáp. “Nếu chúng tớ không đi là thế nào cũng có người bị vào tù.”

Bà Mireli chèo kéo lão Armand. “Sao các ông không đi cùng chúng tôi luôn thể?” bà mời mọc. “Ông với cả nhà Calcet nữa? Bầu trời Provence mùa này xanh lắm và hoa thì đến lúc nở rộ rồi.”

“Cháu đi với các bác,” Paul kêu lên, mắt sáng rỡ. “Cháu muốn thành người gypsy.”

“Không, không,” Suzy vội túm lấy tay thẳng em. “Bọn mình không thể đi cùng người gypsy được. Mình phải ở lại với mẹ. Mình là con của mẹ cơ mà.”

Paul giăng tay ra. “Em chán phải chịu lạnh và ướt lắm rồi,” nó nói. “Nếu em là người lớn, em sẽ làm ra đủ tiền để mua nhà cho chúng ta.”

Suzy lại túm lấy Paul mà giận dữ lắc thật lực. “Em cứ luôn mồm nói lớn lên làm này làm kia,” nó bẻ lại. “Tốt hơn hết em hãy nghĩ xem mình có thể làm được gì lúc này thì hơn.”

“Em sẽ đi với người gypsy,” Paul nhắc lại, cố giăng khỏi tay chị nó.

“Ôi, ông Armand,” Suzy cầu cứu, “xin ông đừng để nó đi.”

Lão Armand nhẹ nhàng đặt tay lên vai Paul. “Cháu không thể đi với họ được đâu, cháu ạ,” lão nói. “Cháu phải ở lại đây với gia đình của mình thôi.”

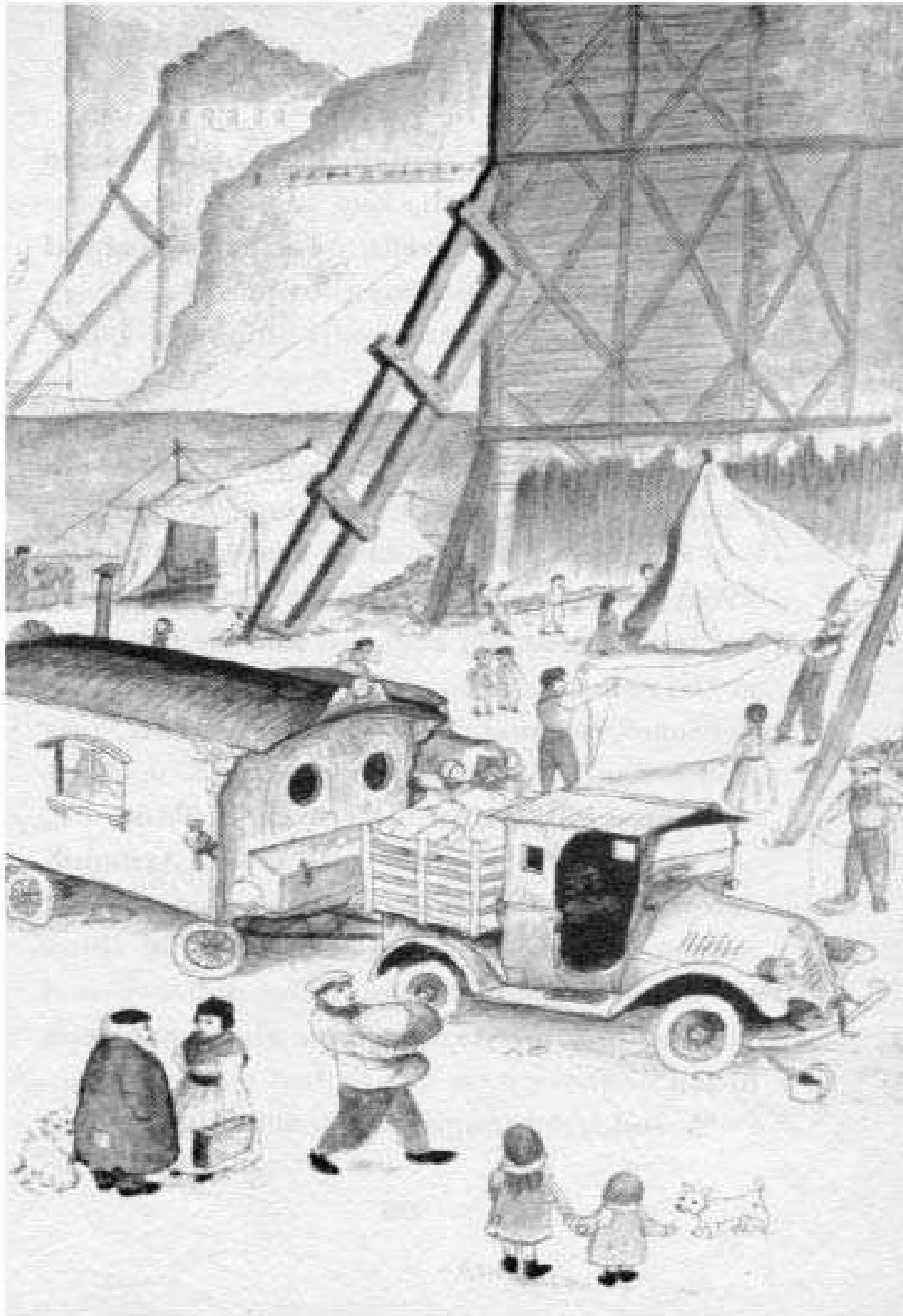
“Tại sao cháu không được đi?” Paul nóng nảy hỏi lại. “Vì sao cháu cứ phải ở lại đây?”

Lão Armand khoanh tay nhìn xuống mái tóc đỏ của thẳng bé. “Cháu không thể đi vì... vì... vì tóc cháu đỏ,” lão nói. “Chính vì thế đấy.”

“Tóc đỏ thì sao chứ?” Paul hỏi.

“Có quá đi chứ,” lão Armand đáp. “Cháu nghĩ xem người gypsy đi được đến đâu với một đũa nhóc tóc đỏ? Người ta sẽ tưởng là cháu bị bắt cóc. Cảnh sát

sẽ đưa cháu vào một gia đình lạ, còn người gypsy sẽ bị nhốt vào tù.”



Một ý nghĩ bất chợt khiến cặp mắt xanh ve của Suzy tối sầm lại. “Giờ thì mình chẳng còn chỗ nào để ở nữa rồi,” nó nói. “Ông nghĩ cái nhà mới của bọn cháu có kịp xong không, ông Armand?”

Lão Armand xấu hổ gục đầu.

“Nếu mình sắp về đó,” Paul nói, “thì cháu không muốn đi với người gypsy nữa. Cháu sẽ ở lại phụ một tay chuyển nhà.”

“Hay là ông dẫn bọn cháu đến đó đi,” Suzy năn nỉ lão lang thang. “Để bọn cháu xem nó sắp xong chưa.”

Lão Armand ôm đầu. “Chả có cái nhà mới nào cho mấy đứa đâu,” lão thú nhận. “Mọi chuyện lộn xộn hết cả. Thì ra mấy người làm nhà không muốn cho trẻ con và chó vào đấy. Mấy đứa cũng biết những chỗ mới cái là thế nào rồi đấy. Người ta muốn giữ gìn cho nó luôn trông như mới ấy mà.”

“Không có nhà cho bọn cháu hả ông?” Suzy kêu lên, giọng đầy ai oán. “Không có gì sao?”

Lão Armand không thể nhìn vào mắt con bé. Paul vùng chạy về phía người gypsy.

Khi cánh đàn ông trở về, họ rối tinh cả lên lúc biết chuyện cảnh sát đột ngột tìm đến. Nikki rầu rĩ hơn cả.

“Lại đúng vào cái lúc xui xẻo tôi bị mất bóp với nguyên số tiền kiếm được cả tuần mới gay chứ,” anh than thở. “Tôi biết chắc là mất ở quán cà phê Con Éch Cười thôi. Ông chủ quán bảo nếu tìm thấy sẽ gửi trả.”

“Hừm!” lão Armand hậm hực. “Ai điên mà trả lại cái bóp đầy tiền? Thế nào cũng có đứa chộp mất rồi.”

Petro đỡ lời. “Mình cứ tiêu tạm tiền trong túi tôi đây đã,” anh đề nghị. “Đọc đường mình sẽ làm việc chứ lo gì. Bây giờ tôi tỉnh như sáo sậu rồi đây.”

Ngôi nhà nhỏ có bánh xe được móc vào đuôi một chiếc ô tô. Người gypsy cùng lũ chó leo hết lên rồi. Jojo ư ử đòi đi vì hôm Giáng sinh được ngồi xe cu cậu cũng khoái lắm.

“Chúng tôi để lại cho các bác một cái lều đấy,” Nikki gọi với lại.

“Bọn tôi còn gần tuần lễ nữa mới phải trả sân,” bà Mireli nói thêm. “Tiền thuê bọn tôi cũng trả cả cho cánh thợ dỡ nhà rồi nhé.”

Hai chiếc xe sặc lên và rồ máy, rồi dò dẫm trên mặt cát ra phía lối vào. Đám gypsy vẫy chào từ biệt. Tinka ném cho Suzy cái hôn gió. Jojo định chạy theo xe nhưng lão Armand đã gọi nó lại. Ngôi nhà nhỏ trên bánh xe mà Suzy cùng mẹ và em gái vẫn ở đã đi khuất ra đường.

Chẳng còn lại gì chứng tỏ đã có người gypsy trú lại trong sân này, ngoài một cái lều dầu dãi nắng mưa cùng đám tro nơi những đống lửa.

Nhưng rồi những kẻ còn lại cũng nhận ra trong sân còn thiếu một thứ nữa: không thấy thằng Paul. Nó đã đi mất rồi.

“Nó đi với họ rồi,” Suzy kêu trời. “Paul nó đi với người gypsy mất rồi.”

Evelyne bắt đầu khóc. “Em muốn anh Paul,” nó nức nở. “Em muốn anh của em cơ.”

“Ô là la,” lão Armand rên lên. “Lại còn phải đối mặt với bà mẹ nữa cơ chứ.”

Lão lặng lẽ tìm các thứ làm bữa ăn nguội cho bọn trẻ. Người gypsy để lại một ít phô mai và bánh mì trong lều. Nhưng chả ai thấy đói. Cả Jojo cũng thế.

Lão Armand cảm thấy mình có lỗi trong mọi chuyện. Lão ngồi tựa lưng vào hàng rào mà nghĩ tới nghĩ lui. Ôi, ôi, ôi! Đúng là lỗi của lão. Lão đã lôi bọn trẻ đến với đám gypsy chứ ai vào đây. Nhưng lão chỉ cố giúp chúng thôi. Đó là cái mà lão nhận được hễ có lúc nào lão dính dáng tới bọn nhóc. Giờ thì

lão bị nhốt chung một rọ với chúng rồi. Nhưng lão mà bị nhốt sao? Không. Lão chỉ cần buông ra rồi chuồn là xong. Lão có thể đẩy cái xe nôi của mình qua chỗ lối ra vào kia, một đi không trở lại.

Nghĩ vậy lão đứng lên nhìn ra phía khoảng trống ở hàng rào. Lão sững người ngạc nhiên nhận thấy một bóng dáng bé nhỏ lẻ loi đang đi vào.

“Paul!” lão gọi. “Có phải là cháu đấy không, Paul?”

Thằng bé buồn bã gật đầu, như thể chính nó đang ước gì không phải là mình vậy.

“Em không đi với gypsy nữa mà quay lại với bọn chị vì đây mới là gia đình của em,” Suzy mừng rỡ reo lên.

“Em đâu có đi với người gypsy,” thằng bé nói. “Chẳng phải chị vẫn nói em thôi đừng hứa hẹn lớn lên sẽ làm gì. Có làm gì thì làm ngay đó sao. Thế nên em ra chợ Halles tìm việc làm.”

“Tìm việc làm ở chợ Halles?” lão Armand ngạc nhiên hỏi lại.

“Cái ông già ăn xin buồn cười mà ông quen đó nói người ta cần người đẩy xe mà,” Paul nhắc lão.

“Nhưng em còn bé quá để làm việc đấy,” Suzy nói. “Em phải to như ông Armand đây mới được.”

Lão lang thang lúng túng giật râu quai nón.

Thằng Paul nhìn xuống mũi giày bằng đồng. “Người ta cũng bảo thế,” nó kể tiếp. “Họ cười em. Họ chỉ một cái xe đẩy to chất đầy thùng rồi bảo nếu em đẩy được thì họ nhận.” Paul đưa tay quệt mắt. “Em đẩy mãi, đẩy mãi mà nó chả nhúc nhích tí nào. Thế là người ta lại cười em.”

Lão Armand nổi khùng. “Mấy thằng bố lão!” lão rủa. “Sáng mai ta sẽ xuống đây treo hết chúng nó lên, mỗi thằng một móc. Ta sẽ...”

Nhưng lão không nói hết câu. Lão phát hoảng vì thấy bóng viên cảnh sát quay trở lại. Ôi, ôi, chắc lại dính dáng đến vụ thằng Paul xuống dưới chợ đây. Có lẽ người ta đã bóng gió ám chỉ đến lũ trẻ lông bông nên ông cảnh sát mới lên đây tóm chúng đi. Ôi, ôi, ôi, đáng lẽ chúng cứ đi với đám gypsy thì hơn.

Nhưng ông cảnh sát có vẻ điên. “Không phải có một đám người gypsy đã ở sân này sao?” ông ta hỏi.

“Họ bất ngờ bỏ đi mất rồi,” lão Armand đáp. “Họ nhận được tin báo có người bà con ở Normandy bị ốm.”

“Tôi nghĩ cả anh chàng có tên là Nikki cũng đi nốt,” ông cảnh sát nói.

“Tất nhiên,” lão Armand đáp. “Thì người bị ốm là bà con của anh ta mà.”

Ông cảnh sát trề môi mà lắc đầu. “Tệ thật!” ông nói. “Cái bóp anh ta làm mất đã được tìm thấy dưới gầm bàn trong quán cà phê Con Ếch Cười. Tệ thật!” Ông ta lôi từ trong túi bên dưới chiếc áo choàng không tay ra một cái bóp bằng da mới cứng. “Mà trong đó còn một tờ vé số lô tô may mắn thắng hôm qua nữa chứ. Tệ thật! Thật chán thay!”

Mắt lão Armand sáng lên. “Để tôi giữ dùm cái bóp cho anh ta vậy,” lão đề nghị.

Ông cảnh sát ngờ vực ngăm ngía lão. Cặp mắt tinh tường của ông ta trông thấy bộ râu quai nón rối bù và bộ cánh ăn may rách tươm của lão Armand. Ông ta lại nhét cái bóp vào dưới lớp áo choàng.

“Tôi không thể giao cho ai khác ngoài chính chủ của nó,” ông nói.

Rồi ông ta quay người bỏ đi, vừa đi vừa lắc đầu lẩm bẫm, “Tệ thật! Tệ thật!”

Lão Armand thì hét rõ to. “Tệ thật đấy!” lão gào toáng lên. “Tôi thì bảo mất cái bóp mới đẹp thế thật là thảm kịch.”

“Cả tiền trong đó nữa,” Suzy nói.

“Cả vé số trúng thưởng nữa,” Paul cũng để thêm.

“Phù!” Lão Armand tiếp. “Nhiều tiền thế thì Nikki làm gì cho hết nhỉ? Nó làm hư anh ta mất thôi. Nhưng mất cái bóp vậy thì ai mà chả tức chứ. Vừa vặn để bỏ số xu mà người ta cần.”

“Vậy mình làm gì bây giờ ạ?” Suzy lo lắng hỏi. “Hết tuần này là mình không còn chỗ nào mà ở nữa rồi.”

“Mẹ thế nào cũng khóc,” Evelyne nghiêm trang nói.

“Ước gì em đẩy được cái xe,” Paul nói. “Em đã cố lắm rồi.”

Nghe thằng bé nói, lão Armand thấy hổ thẹn khủng khiếp. Những ánh mắt trẻ thơ hướng về phía lão đầy vẻ cầu khẩn.

Lão hăng giọng. “Mọi việc rồi ra sẽ đâu vào đấy cả thôi,” lão an ủi bọn trẻ. “Ta sẽ xin một công việc ổn định. Mẹ mấy đứa với ta phải cùng làm cho đủ tiền để thuê cái phòng bên Clichy kia.”

Thế rồi, hoảng sợ với những lời lẽ can đảm của mình, lão sụp xuống đất, yếu ớt tì người vào bức vách.

CHƯƠNG CHÍN

Chị Calcet là người sừng sốt hơn cả khi nghe nói lão Armand tính kiếm công việc ổn định.

“Tôi không thể để ông làm thế được,” chị nói. “Như vậy bất công quá.”

Trong mấy giây lão Armand đã nhất trí với chị về điểm đó. Ô là la! Tự dưng nhảy ra đi làm sau chừng ấy năm lè phè! Nhưng còn lũ trẻ với ánh mắt khẩn cầu kia nữa.

“Đó là điều công bằng nhất Paris này,” lão Armand cãi, phần nào là với chính mình. “Ta sẽ chung tiền thuê nhà, còn lại thì để ăn. Cô nấu cho tôi ăn và dành cho tôi một xó để ở. Bảo Suzy nó vẽ trên sàn ấy.”

“Nhưng ông không phải giúp chúng tôi,” chị Calcet nói. “Chúng tôi chả phải bà con họ hàng gì của ông cả.”

Bọn trẻ lại nghĩ khác.

“Ông ấy là ông của bọn con mà,” Suzy kêu lên.

“Bọn con chỉ có mỗi ông ấy là ông thôi,” Paul nói.

“Ông ơi, ông ơi,” Evelyne ngâm nga.

“Tôi có phải đi xin cho bọn cháu tôi nữa không đây?” Lão Armand hỏi chị Calcet. “Nói thật với cô, tôi đã bắt đầu thấy xấu hổ với trò xin xỏ rồi. Nó làm người ta mất đi lòng tự trọng.”

Chị Calcet đành phải chịu thua. Có quá nhiều thứ chống lại chị.

Và một khi đã chịu rồi thì chị trở nên rất thực tế.

“Nếu ông định đi tìm việc,” chị nói, “thì ông phải trông thật đàng hoàng đĩnh đạc. Người đi xin việc là phải trông hết xảy mới được.”

“Nhưng tôi biết làm thế nào bây giờ?” lão Armand hỏi lại.

“Trước tiên ông phải đi tắm,” chị bảo.

“Đi tắm!” lão Armand hoảng hốt kêu lên. “Trời này mà tắm hả?”

“Ở trong lều sẽ đủ ấm vì nó nằm sát vách lò nướng bánh,” chị nói. “Tôi sẽ nhóm lửa đun nước cho ông. Rồi ông tự dội lấy mà tắm.”

“Thế này thì ta phong thấp đến chết mất,” lão căn nhắc.

“Ông sẽ trở thành một người mới,” chị hứa hẹn. Ngay cả trong lúc lão tìm hết cứ này đến cứ khác để thoát thác, chị vẫn nhóm lửa và ra vòi nước ngoài phố xách nước về. “Nào, xong rồi,” chị nói khi nước đã sôi. “Đây là lúc ông dùng bánh xà bông hồng rồi đấy. Tôi tặng ông không phải để ăn đâu.”

Thế là lão Armand đành phải xách nước vào lều, miệng vẫn càu nhàu không ngớt. “Lại đây, Jojo,” lão kêu con chó. “Tao mà rớt miếng xà bông thì cho mày tha hồ đuổi.”

“Ném quần áo của ông ra đây,” chị Calcet nói vọng vào. “Suzy với tôi sẽ cọ sạch các vết bẩn rồi vá lại những chỗ thủng và rách cho.”

Chị bắt tay vào xử lí mớ quần áo cũ của lão Armand. Chị phơi chúng lên hàng rào và đập bụi. Chị cùng Suzy gột càng sạch càng tốt những vết ố bẩn. Evelyne cũng tìm được việc để làm là chải lại cái mũ bê rê tả tơi của lão.

“Và ông ấy có thể mang đôi giày cất trong xe nô,” Paul nói. “Đám gypsy với con đã sửa lại cái đế bằng đồng lá rồi, ông ấy tha hồ mà ngạc nhiên.”

Họ có thể nghe thấy tiếng xuýt xoa rên rỉ từ trong lều vọng ra. Rồi cả tiếng Jojo rên ư ử.

“Ồ, không khéo ông cháu lại hắt nước sôi lên người thì nguy to,” Suzy nói.

“Không khéo Jojo lại ăn miếng xà bông mất rồi,” Evelyne nói.

Thế rồi họ kinh ngạc nhìn thấy một con vật lạ lùng thất thểu từ trong lều bước ra. Nó ướt lướt thướt nhưng trắng lóa cả mắt. Đó chính là Jojo, có điều hình như mới bị rớt vào hũ bột.

Suzy tóm ngay lấy nó trước khi nó kịp lăn trên cát. “Nó màu trắng này, mẹ!” con bé ngạc nhiên reo lên. “Nó đúng là một con chó trắng.”

Con bé lấy một miếng giẻ sạch và lôi con chó đến bên đồng lửa. Nó lau tới lau lui cho con chó thật khô. Bộ lông dài của Jojo bỗng bình như tơ.

Còn Evelyne thì cứ ngơ ngác hỏi “Jojo đâu rồi? Jojo đâu mất rồi?”

Paul mang quần áo và giày vào cho lão Armand. Khi ông lão từ trong lều bước ra thì trông cũng lạ chẳng kém gì Jojo. Giống bộ lông con chó, bộ râu quai nón của lão cũng trắng và tơ. Mà lão cũng có vẻ sượng sùng.

Suzy có vẻ khoái hàm râu của lão. “Để cháu tỉa râu cho ông,” nó đề nghị.

Lão Armand ngoan ngoãn ngồi xuống tấm bê tông và Suzy lấy cái kéo của mẹ ra bắt tay vào việc. Nó nhấp kéo, cắt cắt, tỉa tỉa.

“Cháu cắt lẹm mất một miếng ở giữa,” con bé nói, “vậy nên đành phải làm lẹm luôn hai miếng cho cân.” Nó chú mục cắt thêm mấy nhát. Nó xoay hết bên này sang bên kia, vừa xoay vừa cắt. Cuối cùng cũng thấy hài lòng.

“Trông ông rất oai,” chị Calcet thán phục nhận xét.

“Cứ như tài tử điện ảnh,” Suzy tấm tắc để theo mẹ.

“Việc gì ông lại phải ăn mặc đàng hoàng như thế để xin một chân đẩy xe ở chợ Halles chứ?” Paul hỏi. “Trông người ta đâu có thế.”

“Chà chà chà!” Lão Armand lên giọng. “Cháu tưởng ta thềm làm những việc thấp kém như vậy hay sao, hả?”

“Ông định làm cảnh sát ạ?” Evelyne hỏi.



“Ồ, không,” lão đáp. “Cháu không nhớ Cha Giáng sinh bạn ta nói có ông nào đó cần người gác đêm à? Đó chính là công việc dành cho ta. Cả ngày nghỉ ngơi rồi tối đến lượn vài vòng quanh một tòa nhà nào đó. Mà một khi đã huấn luyện được Jojo rồi thì ta chả phải làm gì hết.”

“Nhưng nếu thế thì ban đêm chả ai nhìn thấy ông cả,” Suzy thất vọng. “Người ta sẽ không thấy bộ râu sành điệu của ông mới tiếc chứ.”

Lúc đi qua chỗ mở ở hàng rào, nghĩ đến chuyện đó lão Armand lại bật cười. Rồi lão ngoắc Jojo. “Lại đây nào, nhóc,” lão gọi. “Một phần công việc đó là của mày đấy.”

Lão chậm rãi đi về phía cửa hàng Louvre. Cái đế giày bằng đồng nện lách cách xuống mặt sỏi và nhựa đường. Lão không muốn vội đi làm tí nào. Lạy trời, không! Có thể lão sẽ đổi ý vào giây phút cuối cùng.

“Nào, tên cái ông đang tìm người gác là gì ấy nhỉ?” lão hỏi Jojo. “Hừm! Hừm! Camille đã không còn ở đây nữa rồi. Ngài... ngài... A, nhớ rồi. Latour! Ngài Latour!”

Tiếng chân lão gõ nhanh hơn, còn con chó có bộ lông trắng bông bênh thì chạy theo bên chân lão.

Phố Rue de Rivoli lại tấp nập như tổ ong. Máy người này vẫn chưa mua đủ những thứ mình cần cơ à? Nhưng những trang trí Giáng sinh thì đã bị dẹp hết. Bây giờ cánh hàng rong đang rao bán Năm Mới.

Lão Armand đỡ Jojo qua cánh cửa kính mà cửa hàng rất hãnh diện. Lão bước đến trước một cô bán hàng.

“Ngài Latour có đây không ạ?” lão hỏi.

“Ông ấy đang ở trên gác lửng,” cô kia đáp. “Ồ, không. Ông ấy xuống đây rồi. Ngài Latour! Ngài Latour!”

Lão Armand quay lại và mặt đối mặt với gã trực tầng kênh kiệu. Ý nghĩ đầu tiên của lão là chụp lấy con Jojo mà chạy trở lại qua cánh cửa kính ra ngoài. Nhưng ngài kênh kiệu kia lại không nhận ra lão.

Lần hồi rồi lão Armand mới mẻ cũng nói được ra lời. “Ông Camille làm việc ở đây dạo Giáng sinh có nói với tôi rằng ngài đang cần tìm một người gác đêm, thưa ngài,” lão lên tiếng.

Ngài Latour vồ trán cố nhớ lại điều gì. Ngài cứ phân vân nhìn lão Armand chòng chọc.

“Ồ, phải, một người bạn muốn có ai tin cậy được trông coi tòa nhà của ông ấy,” ngài đáp. “Nhưng hình như tôi đã gặp ông ở đâu rồi thì phải? Mặt ông trông quen quen.”

“Có lẽ ta cùng xem một buổi hòa nhạc,” lão Armand nói. “VẬY bạn ngài đã tìm được người chưa ạ?”

Ngài Latour vẫn không thôi nhìn lão. Ngài trông thấy Jojo. Mặt ngài rạng ra. “Hình như tôi đã nhớ ra rồi,” ngài nói. “Đó là một buổi thi chó ở đâu đó.”

“Có lẽ vậy,” lão Armand đáp. “Jojo đã giành nhiều dải băng xanh ở đấy rồi. Nhưng mà công việc...”

“Ừ nhỉ,” ngài Latour nói. “Để tôi ghi địa chỉ cho ông. Cũng không xa đây lắm. Đến hỏi ngài Brunot!”

Ngài lấy một cái bao gấp nhỏ trên quầy và bay bướm viết địa chỉ. Ngài đưa nó cho lão Armand. “Ngay gần phố Rue de l’Opera ấy,” ngài nói.

Lão Armand nhét cái bao vào túi rồi vội vàng ra khỏi cửa hàng kéo tay trực tầng sức nhớ ra. Lão băng qua đường, đi qua dãy cột của Theatre-Francais với những bức tường và trụ đỡ bám đầy bụi. Lão nhìn ra quảng trường, nơi những cây tiêu huyền thì trơ trụi còn hai đài phun nước thì cạn khô.

“Chỗ này sang xuân mà để ta ngả lưng thì tuyệt cú mèo,” lão bảo Jojo. Ngay từ giờ lão đã mừng tượng ra hàng cây xanh tươi và tiếng nước phun ròi.

Một bà mặc áo lông, mũ gắn lông chim đang đi dạo trên phố Rue de l’Opera với một con chó xù. Con chó xù khoác áo choàng kẻ ô màu xanh với những chiếc giày cổ lông. Nó dừng lại hít người Jojo như muốn nói, “Mình đã gặp nhau ở buổi thi chó nào chưa ấy nhỉ?” Nhưng bà kia đã lôi tuột nó đi.

Lão Armand đi trên phố Rue de l’Opera một cách hiên ngang vì đôi giày của lão phát ra tiếng kêu khác thường. Hai bên là những cửa hàng thời trang với những quầy kính trang trí để câu khách giàu. Ngay cuối đường là rạp hát opera kì vĩ với mái vòm xanh dương, cùng những pho tượng tuyệt tác trên nóc.

Lão Armand rút cái bao ra xem. Rồi lão queo vào ngay nhánh rẽ tiếp theo. Đó là một con phố hẹp, kín đáo và các cửa hàng hai bên khiêm tốn hơn hẳn các cửa hàng ngoài đường Rue de l’Opera.

Lão đọc con số trên cái bao. Lão so nó với con số trên mái vòm bằng gỗ của một cánh cổng xiêu vẹo.

Lão bước vào một khoảnh sân lát gạch tồi tàn. Nó bị vây bọc giữa những bức tường trống của ba tòa nhà cao. Qua năm tháng chúng được dặm vá bằng những viên gạch khác màu. Một bức tường cũ và xập xệ đến nỗi phải chống bằng các cột gỗ lớn. Thẳng từ cổng vào là một bức tường thấp được chia thành những gian hàng nhỏ thậm chí còn tồi tàn hơn cả ngoài con phố nhỏ kia nữa.

Và không xa lối vào là một gian nhỏ gắn kính xây ộp vào tường. Có hai ông từ trong đó đi ra. Một ông đi qua gian hàng chào bán linh kiện radio cũ. Ông kia, một người cao lòng không đeo mắt kính, thì tiến thẳng về phía lão Armand.

“Ông có thể cho biết ông Brunot ở đâu không ạ?” Lão hỏi, tay giật vôi cái mũ bê rê trên đầu xuống.

“Ông đang nhìn ông ấy đây,” ông kia trả lời pha chút dí dỏm.

Thế là lão Armand mới đưa cho ông kia cái túi có ghi địa chỉ và giải thích mục đích của mình. “Tôi muốn được làm công việc gác đêm, thưa ông,” lão nói, “nếu chỗ đó còn trống. Mắt tôi tỏ như mắt mèo trong đêm tối vậy.”

Ông kia sửa lại. “Không phải chúng tôi cần người gác đêm,” ông nói, “mà cần người trông coi mọi thứ cơ. Ông biết đấy, một người đáng tin cậy để giao chìa khóa cho khách thuê, phân phát thư báo và đổ rác hàng ngày.”

Lão Armand chớp chớp mắt. Rõ ràng đó không phải là thứ lão nhắm đến. Công việc này xem ra cũng phải động tay động chân mất rồi.

Ông Brunot nhận thấy vẻ do dự của lão. “Thực ra chúng tôi cần một người có gia đình,” ông nói.

Câu đó lập tức đưa lão Armand trở lại với hoàn cảnh của mẹ con nhà Calcet. “Ồ, tôi cũng có gia đình, thưa ông,” lão nói. “Ba đứa trẻ và mẹ chúng. Ông phải trông thấy mấy đứa cháu của tôi mới được. Không khéo chúng lại thó mất trái tim ông đấy.”

Ông kia có vẻ hài lòng. Thậm chí ông còn gãi tai Jojo. “Cả con chó nữa,” ông kia thêm vào cho đủ gia đình của lão Armand. “Tên ông là gì nhỉ?”

“Armand Pouly,” lão Armand đáp ngay không chút bối rối. “Mà tôi chẳng phải là đứa ngại việc đâu.”

“Công việc cũng không phải vất vả gì,” ông Brunot nói, “có điều cũng tù túng. Chính vì thế mà người làm trước mới bỏ đấy.”

“Ồ, tôi cũng bị gia đình cầm tù rồi,” lão Armand nói.

“Mà lương cũng thấp,” ông Brunot nói thêm, “nhưng đó là vì tính cả tiền nhà vào nữa.”

“Có nhà nữa à?” lão Armand ngẩng phắt lên hỏi.

“Ngay phía sau cánh cửa này thôi,” ông kia nói. Ông dẫn lão Armand vào gian phòng gắn kính và đi xuống cầu thang. Ông mở một cánh cửa khác. “Ba phòng,” ông nói tiếp. “tất nhiên là nhỏ thôi, cũng hơi thiếu ánh sáng, nhưng được cái khô ráo và trong bếp có nước máy.”

Ông Brunot bật ngọn đèn tù mù và lão Armand lần lượt xem xét từng phòng, cứ như lão đặc biệt kỹ tính trong chuyện gia đình của mình sẽ sống ở đâu.

Sơn trên tường đã bong và vài món đồ gỗ đã sờn đến tận lõi. Trong bếp thì lò bị rỉ sét, còn tấm nhựa lót sàn đã có nhiều chỗ rạn nứt và bạc phếch. Nhưng nhìn một hồi thì các phòng dường như biến đổi ngay trước mắt lão.

Cứ như có phép màu, những bức tường sáng hẳn ra trong lớp sơn mới. Những tấm rèm đăng ten hiện trên các khuôn cửa sổ nhỏ cao. Lão cẩn thận đặt bước như thế để khỏi làm xô những tấm thảm dệt sẽ thay thế cho lớp nhựa lót sàn.

Mặt bàn nứt nẻ biến mất bên dưới lớp khăn kẻ ô. Suzy đang ngồi ở đó học bài. Bếp lò reo lách tách khi chị Calcet đứng đó khuấy nồi súp. Còn đằng kia thì Evelyne đang leo lên chiếc ghế cao nhìn ra cửa sổ. Paul đang chơi với Jojo ngoài sân.

“Không phải các bức tường và đồ đạc làm nên một ngôi nhà,” lão Armand bảo ông Brunot. “Cứ phải là một gia đình mới được.” Đoạn lão nói thêm. “Ngài Latour bảo tôi nói với ông rằng ngài rất tín nhiệm tôi.”

“Nhìn qua một cái cũng đủ biết ông là người tinh táo và siêng năng rồi, Pouly,” ông Brunot nói, “và với tôi thế là ổn rồi. Ông nghĩ ngày mai liệu đã

chuyển đến được chưa? Thực ra cũng không tốn bao nhiêu thời gian của tôi, nhưng tôi vẫn muốn rảnh sớm để còn chuẩn bị đón Năm Mới.”

Năm Mới! Đêm mai đã là giao thừa rồi. Năm Mới sẽ chứng kiến mẹ con nhà Calcet và chính lão bắt đầu một cuộc sống mới.

“Chiều nay chúng tôi có thể đến luôn, thưa ông,” lão Armand nói. “Mẹ lũ trẻ hôm nay nghỉ một buổi. Và lại chúng tôi cũng chả có của chím của nỏ gì nhiều để mà chuyển.”

Ông Brunot giải thích một số phận sự của lão Armand. Các chìa khóa treo trong phòng kính. Đó là khóa của các phòng bên trên dãy cửa hàng. Bảo đảm không để khách mang chìa khóa ra ngoài. Đêm đến khóa cổng, sáng mở ra. Có lẽ bà nhà sẽ giúp một tay về mặt chìa khóa và khách thuê phòng. Những công việc thế này cần đến phụ nữ. Chính vì lí do đó mà ông Brunot đã không nhận hai người mới đây tới xin việc.

Ồ, gì chứ cái này thì chị Calcet quá hợp. Sắp tới chị có thể bỏ việc ở tiệm giặt để ở nhà trông nom bọn trẻ và những người thuê phòng. Chị sẽ có cách riêng để kiếm sống. Như vậy chắc chị sẽ vui.

Hai người bắt tay. Lúc ra về, lão Armand nhận thấy khúc thân uốn lượn của cây đậu tía ở góc sân. Sang xuân, một gốc to như thế này dư sức trở hoa che kín mấy bức tường tắm tối. Cái sân sẽ trở thành một khoảnh vườn.

Cuối cùng lão đã trên đường trở về nơi mẹ con nhà Calcet đang chờ. Jojo vui vẻ sủa nhặng xị với chân lão như thể chính mắt nó cũng đã thấy những căn phòng và khoảnh sân sẽ thế nào trong tương lai.

Lão Armand rảo bước. Lão ngẩng cao đầu làm chóp râu cảm cứ chìa ra phía trước. Lão vươn vai trong chiếc áo choàng đã vá cần thận. Lão không còn là một lão lang thang nữa. Lão đã là một người lao động của Paris.

Table of Contents

[Chương một](#)

[Chương hai](#)

[Chương ba](#)

[Chương bốn](#)

[Chương năm](#)

[Chương sáu](#)

[Chương bảy](#)

[Chương tám](#)

[Chương chín](#)